

DANH SÁCH

Thí sinh đủ điều kiện tham dự xét tuyển viên chức tại Bệnh viện Nhi Đồng 1 năm 2024  
(Ban hành kèm theo Thông báo số 41/TB-HĐXT ngày 10 tháng 02 năm 2025 của Chủ tịch Hội đồng xét tuyển viên chức năm 2024)

| S<br>T<br>T                  | Họ và tên lót     | Tên   | Ngày,<br>tháng, năm<br>sinh | Giới<br>tính | Khoa/Phò<br>ng  | Vị trí<br>ứng<br>tuyển     | Trình độ chuyên môn cao nhất |                            |                     |            |                                                | Đôi<br>tượng<br>ưu<br>tiên | Kết<br>quả<br>vòng<br>1 | Sát<br>hạch<br>Anh<br>văn |
|------------------------------|-------------------|-------|-----------------------------|--------------|-----------------|----------------------------|------------------------------|----------------------------|---------------------|------------|------------------------------------------------|----------------------------|-------------------------|---------------------------|
|                              |                   |       |                             |              |                 |                            | Trình<br>độ                  | Chuyên<br>ngành<br>đào tạo | Số bằng<br>cấp      | Ngày cấp   | Nơi cấp                                        |                            |                         |                           |
| 1                            | 2                 | 3     | 4                           | 5            | 6               | 7                          | 8                            | 9                          | 10                  | 11         | 12                                             | 13                         | 14                      | 15                        |
| I. BÁC SĨ HẠNG III: 74 người |                   |       |                             |              |                 |                            |                              |                            |                     |            |                                                |                            |                         |                           |
| 1                            | Dương Lê<br>Hiền  | Đạt   | 14/09/1997                  | Nam          | Khoa Cấp<br>cứu | Bác sĩ<br>(Bs hạng<br>III) | Đại học                      | Y khoa                     | UPNT.BS<br>/000845  | 30/12/2021 | Trường Đại<br>học Y khoa<br>Phạm Ngọc<br>Thạch |                            | Đạt                     | Thi<br>AV                 |
| 2                            | Trần Thị Mai      | Liên  | 14/07/1995                  | Nữ           | Khoa cấp<br>cứu | Bác sĩ<br>(Bs hạng<br>III) | Thạc sĩ                      | Nhi<br>khoa                | UPNT.Th<br>S/000315 | 07/06/2023 | Trường Đại<br>học Y khoa<br>Phạm Ngọc<br>Thạch |                            | Đạt                     | Thi<br>AV                 |
| 3                            | Nguyễn Thị<br>Ánh | Tuyết | 27/02/1998                  | Nữ           | Khoa cấp<br>cứu | Bác sĩ<br>(Bs hạng<br>III) | Đại học                      | Y khoa                     | PNTU.BS<br>/001255  | 10/10/2023 | Trường Đại<br>học Y khoa<br>Phạm Ngọc<br>Thạch |                            | Đạt                     | Thi<br>AV                 |
| 4                            | La Thành          | Thịnh | 15/10/1992                  | Nam          | Khoa Cấp<br>cứu | Bác sĩ<br>(Bs hạng<br>III) | Đại học                      | Y Đa<br>khoa               | 027083              | 11/11/2016 | Trường Đại<br>học Y khoa<br>Phạm Ngọc<br>Thạch |                            | Đạt                     | Thi<br>AV                 |
| 5                            | Đinh Tấn<br>Quỳnh | Thy   | 07/01/1996                  | Nữ           | Khoa Cấp<br>cứu | Bác sĩ<br>(Bs hạng<br>III) | Đại học                      | Y Đa<br>khoa               | 10244/M<br>S-TTU    | 09/11/2021 | Trường Đại<br>học Tân Tạo                      |                            | Đạt                     | Thi<br>AV                 |

| S<br>T<br>T | Họ và tên lót       | Tên    | Ngày,<br>tháng, năm<br>sinh | Giới<br>tính | Khoa/Phò<br>ng           | Vị trí<br>ứng<br>tuyển     | Trình độ chuyên môn cao nhất |                            |                    |            |                                                | Đôi<br>tượng<br>ưu<br>tiên | Kết<br>quả<br>vòng<br>1 | Sát<br>hạch<br>Anh<br>văn |
|-------------|---------------------|--------|-----------------------------|--------------|--------------------------|----------------------------|------------------------------|----------------------------|--------------------|------------|------------------------------------------------|----------------------------|-------------------------|---------------------------|
|             |                     |        |                             |              |                          |                            | Trình<br>độ                  | Chuyên<br>ngành<br>đào tạo | Số bằng<br>cấp     | Ngày cấp   | Nơi cấp                                        |                            |                         |                           |
| 1           | 2                   | 3      | 4                           | 5            | 6                        | 7                          | 8                            | 9                          | 10                 | 11         | 12                                             | 13                         | 14                      | 15                        |
| 6           | Trần Ngọc Phi       | Yến    | 04/08/1996                  | Nữ           | Khoa cấp<br>cứu          | Bác sĩ<br>(Bs hạng<br>III) | Đại học                      | Y khoa                     | PNTU.BS<br>/002608 | 10/10/2024 | Trường Đại<br>học Y khoa<br>Phạm Ngọc<br>Thạch |                            | Đạt                     | Thi<br>AV                 |
| 7           | Võ Thị              | Huyền  | 20/10/1996                  | Nữ           | Khoa<br>CĐHA-<br>Siêu âm | Bác sĩ<br>(Bs hạng<br>III) | Đại học                      | Y khoa                     | C000061<br>5       | 02/10/2020 | Đại học Y<br>dược, Đại học<br>Huế              |                            | Đạt                     | Thi<br>AV                 |
| 8           | Nguyễn Thị<br>Yến   | Nhi    | 30/05/1996                  | Nữ           | Khoa<br>CĐHA-<br>Siêu âm | Bác sĩ<br>(Bs hạng<br>III) | Đại học                      | Y khoa                     | 001384             | 31/08/2020 | Đại học Y<br>dược TP.<br>HCM                   |                            | Đạt                     | Thi<br>AV                 |
| 9           | Nguyễn Thị<br>Thuận | Thiên  | 17/05/1996                  | Nữ           | Khoa<br>CĐHA-<br>Siêu âm | Bác sĩ<br>(Bs hạng<br>III) | Đại học                      | Y khoa                     | DM00001<br>071     | 14/01/2021 | Đại học Võ<br>Trường Toàn                      |                            | Đạt                     | Thi<br>AV                 |
| 10          | Nguyễn Phú          | Hùng   | 01/10/1996                  | Nam          | Khoa<br>CĐHA-<br>Siêu âm | Bác sĩ<br>(Bs hạng<br>III) | Đại học                      | Y khoa                     | 000092             | 01/09/2020 | Đại học Tây<br>Nguyên                          |                            | Đạt                     | Thi<br>AV                 |
| 11          | Lê Yến              | Nhi    | 14/01/1998                  | Nữ           | Khoa<br>CĐHA-<br>Siêu âm | Bác sĩ<br>(Bs hạng<br>III) | Đại học                      | Y khoa                     | PNTU.BS<br>/000551 | 12/10/2022 | Trường Đại<br>học Y khoa<br>Phạm Ngọc<br>Thạch |                            | Đạt                     | Thi<br>AV                 |
| 12          | Nguyễn Hữu          | Nguyên | 27/01/1997                  | Nam          | Khoa<br>CĐHA X-<br>Quang | Bác sĩ<br>(Bs hạng<br>III) | Đại học                      | Y khoa                     | YDS.B1.<br>000292  | 24/09/2021 | Đại học y<br>dược<br>TP.HCM                    |                            | Đạt                     | Thi<br>AV                 |

| S<br>T<br>T | Họ và tên lót        | Tên   | Ngày,<br>tháng, năm<br>sinh | Giới<br>tính | Khoa/Phò<br>ng                    | Vị trí<br>ứng<br>tuyển     | Trình độ chuyên môn cao nhất |                            |                    |            |                                                | Đôi<br>tượng<br>ưu<br>tiên | Kết<br>quả<br>vòng<br>1 | Sát<br>hạch<br>Anh<br>văn |
|-------------|----------------------|-------|-----------------------------|--------------|-----------------------------------|----------------------------|------------------------------|----------------------------|--------------------|------------|------------------------------------------------|----------------------------|-------------------------|---------------------------|
|             |                      |       |                             |              |                                   |                            | Trình<br>độ                  | Chuyên<br>ngành<br>đào tạo | Số bằng<br>cấp     | Ngày cấp   | Nơi cấp                                        |                            |                         |                           |
| 1           | 2                    | 3     | 4                           | 5            | 6                                 | 7                          | 8                            | 9                          | 10                 | 11         | 12                                             | 13                         | 14                      | 15                        |
| 13          | Ngô Thị Bích         | Hải   | 22/09/1997                  | Nữ           | Khoa<br>CĐHA X-<br>Quang          | Bác sĩ<br>(Bs hạng<br>III) | Đại học                      | Y khoa                     | YDS.B1.<br>000179  | 24/09/2021 | Đại học Y<br>dược TP.<br>HCM                   |                            | Đạt                     | Thi<br>AV                 |
| 14          | Nguyễn Đăng          | Hoài  | 30/10/1997                  | Nam          | Khoa<br>CĐHA X-<br>Quang          | Bác sĩ<br>(Bs hạng<br>III) | Đại học                      | Y khoa                     | UPNT.BS<br>/001436 | 30/12/2021 | Trường Đại<br>học Y khoa<br>Phạm Ngọc<br>Thạch |                            | Đạt                     | Thi<br>AV                 |
| 15          | Trần Thị<br>Hạnh     | Thảo  | 05/11/1997                  | Nữ           | Khoa<br>CĐHA X-<br>Quang          | Bác sĩ<br>(Bs hạng<br>III) | Đại học                      | Y khoa                     | YDS.B1.<br>000373  | 24/09/2021 | Đại học Y<br>dược TP.<br>HCM                   | Con<br>thươn<br>g bình     | Đạt                     | Thi<br>AV                 |
| 16          | Nguyễn<br>Quang      | Hào   | 05/10/1997                  | Nam          | Khoa Chấn<br>thương<br>chỉnh hình | Bác sĩ<br>(Bs hạng<br>III) | Đại học                      | Y khoa                     | CA2618             | 22/07/2022 | Trường đại<br>học y dược<br>Cần Thơ            |                            | Đạt                     | Thi<br>AV                 |
| 17          | Trần Như             | Quỳnh | 23/09/1994                  | Nữ           | Khoa Chấn<br>thương<br>chỉnh hình | Bác sĩ<br>(Bs hạng<br>III) | Thạc Sĩ                      | Ngoại<br>khoa              | YDS.ThS<br>.000234 | 26/01/2022 | Đại học Y<br>dược TP.<br>HCM                   |                            | Đạt                     | Thi<br>AV                 |
| 18          | Trần Quảng           | Đại   | 31/08/1988                  | Nam          | Khoa Điều<br>trị trong<br>ngày    | Bác sĩ<br>(Bs hạng<br>III) | Thạc sĩ                      | Ngoại<br>khoa              | A125386            | 17/12/2015 | Đại học Y<br>dược TP.<br>HCM                   |                            | Đạt                     | Thi<br>AV                 |
| 19          | Trần Phương<br>Quỳnh | Hoa   | 05/10/1995                  | Nữ           | Khoa Điều<br>trị trong<br>ngày    | Bác sĩ<br>(Bs hạng<br>III) | Thạc sĩ                      | Ngoại<br>khoa              | YDS.Ths.<br>000834 | 11/01/2023 | Đại học Y<br>dược TP.<br>HCM                   |                            | Đạt                     | Thi<br>AV                 |

| S<br>T<br>T | Họ và tên lót        | Tên    | Ngày,<br>tháng, năm<br>sinh | Giới<br>tính | Khoa/Phò<br>ng                 | Vị trí<br>ứng<br>tuyển     | Trình độ chuyên môn cao nhất |                            |                        |            |                                                | Đối<br>tượng<br>ưu<br>tiên | Kết<br>quả<br>vòng<br>1 | Sát<br>hạch<br>Anh<br>văn |
|-------------|----------------------|--------|-----------------------------|--------------|--------------------------------|----------------------------|------------------------------|----------------------------|------------------------|------------|------------------------------------------------|----------------------------|-------------------------|---------------------------|
|             |                      |        |                             |              |                                |                            | Trình<br>độ                  | Chuyên<br>ngành<br>đào tạo | Số bằng<br>cấp         | Ngày cấp   | Nơi cấp                                        |                            |                         |                           |
| 1           | 2                    | 3      | 4                           | 5            | 6                              | 7                          | 8                            | 9                          | 10                     | 11         | 12                                             | 13                         | 14                      | 15                        |
| 20          | Nguyễn Ái            | Phuong | 27/12/1997                  | Nữ           | Khoa Điều<br>trị trong<br>ngày | Bác sĩ<br>(Bs hạng<br>III) | Đại học                      | Y khoa                     | VTTUD<br>M000016<br>96 | 25/04/2022 | Trường đại<br>học Võ<br>Trường Toàn            |                            | Đạt                     | Thi<br>AV                 |
| 21          | Trần Thiện<br>Nguyên | Thông  | 09/06/1995                  | Nam          | Khoa Điều<br>trị trong<br>ngày | Bác sĩ<br>(Bs hạng<br>III) | Đại học                      | Y khoa                     | 001014                 | 06/11/2019 | Đại học Y<br>dược TP.<br>HCM                   |                            | Đạt                     | Thi<br>AV                 |
| 22          | Bùi Đăng             | Huy    | 18/02/1996                  | Nam          | Khoa Hô<br>hấp                 | Bác sĩ<br>(Bs hạng<br>III) | Thạc sĩ                      | Nhi<br>khoa                | UPNT.Th<br>S/000429    | 05/04/2024 | Đại học Y<br>khoa Phạm<br>Ngọc Thạch           |                            | Đạt                     | Thi<br>AV                 |
| 23          | Lê Thị Thanh         | Bình   | 19/10/1995                  | Nam          | Khoa Hồi<br>sức ngoại          | Bác sĩ<br>(Bs hạng<br>III) | Thạc sĩ                      | Nhi khoa                   | UPNT.Th<br>S/000305    | 07/06/2023 | Trường Đại<br>học Y khoa<br>Phạm Ngọc<br>Thạch |                            | Đạt                     | Thi<br>AV                 |
| 24          | Đoàn Thị             | Tiếng  | 01/02/1995                  | Nữ           | Khoa Hồi<br>sức ngoại          | Bác sĩ<br>(Bs hạng<br>III) | Thạc sĩ                      | Nhi<br>khoa                | UPNT.Th<br>S/000322    | 07/06/2023 | Trường Đại<br>học Y khoa<br>Phạm Ngọc<br>Thạch |                            | Đạt                     | Thi<br>AV                 |
| 25          | Trình Thị Thu        | Thủy   | 05/10/1995                  | Nữ           | Khoa Hồi<br>sức ngoại          | Bác sĩ<br>(Bs hạng<br>III) | Thạc sĩ                      | Nhi<br>khoa                | UPNT.Th<br>S/00320     | 07/06/2023 | Trường Đại<br>học Y khoa<br>Phạm Ngọc<br>Thạch |                            | Đạt                     | Thi<br>AV                 |
| 26          | Ngô Văn<br>Tuấn      | An     | 08/12/1990                  | Nam          | Khoa Hồi<br>sức nhiễm          | Bác sĩ<br>(Bs hạng<br>III) | Chuyên<br>Khoa<br>cấp I      | Nhi<br>khoa                | B005162<br>2           | 19/04/2021 | Trường Đại<br>học Y khoa<br>Phạm Ngọc<br>Thạch |                            | Đạt                     | Thi<br>AV                 |

| S<br>T<br>T | Họ và tên lót      | Tên   | Ngày,<br>tháng, năm<br>sinh | Giới<br>tính | Khoa/Phò<br>ng          | Vị trí<br>ứng<br>tuyển     | Trình độ chuyên môn cao nhất |                            |                    |            |                                                | Đôi<br>tượng<br>ưu<br>tiên | Kết<br>quả<br>vòng<br>1 | Sát<br>hạch<br>Anh<br>văn |
|-------------|--------------------|-------|-----------------------------|--------------|-------------------------|----------------------------|------------------------------|----------------------------|--------------------|------------|------------------------------------------------|----------------------------|-------------------------|---------------------------|
|             |                    |       |                             |              |                         |                            | Trình<br>độ                  | Chuyên<br>ngành<br>đào tạo | Số bằng<br>cấp     | Ngày cấp   | Nơi cấp                                        |                            |                         |                           |
| 1           | 2                  | 3     | 4                           | 5            | 6                       | 7                          | 8                            | 9                          | 10                 | 11         | 12                                             | 13                         | 14                      | 15                        |
| 27          | Võ Duy             | Minh  | 22/10/1993                  | Nam          | Khoa Hôi<br>sức nhiễm   | Bác sĩ<br>(Bs hạng<br>III) | Thạc sĩ                      | Nhi<br>khoa                | 000768             | 31/12/2020 | Đại học Y<br>dược TP.<br>HCM                   |                            | Đạt                     | Thi<br>AV                 |
| 28          | Trần Minh          | Nhật  | 13/09/1995                  | Nam          | Khoa Hôi<br>sức nhiễm   | Bác sĩ<br>(Bs hạng<br>III) | Thạc sĩ                      | Nhi<br>khoa                | YDS.ThS<br>.000882 | 11/01/2023 | Đại học Y<br>dược TP.<br>HCM                   |                            | Đạt                     | Thi<br>AV                 |
| 29          | Nguyễn Thị<br>Mai  | Thảo  | 12/08/1996                  | Nữ           | Khoa Hôi<br>sức nhiễm   | Bác sĩ<br>(Bs hạng<br>III) | Thạc sĩ                      | Nhi<br>khoa                | YDS.ThS<br>.001336 | 25/12/2023 | Đại học Y<br>dược TP.<br>HCM                   |                            | Đạt                     | Thi<br>AV                 |
| 30          | Phan Hồng          | Thắng | 03/09/1993                  | Nam          | Khoa hôi<br>sức nhiễm   | Bác sĩ<br>(Bs hạng<br>III) | Thạc sĩ                      | Nhi<br>khoa                | 000772             | 31/12/2020 | Đại học y<br>dược<br>TP.HCM                    |                            | Đạt                     | Thi<br>AV                 |
| 31          | Thạch Minh         | Triều | 01/01/2000                  | Nam          | Khoa Hôi<br>sức nhiễm   | Bác sĩ<br>(Bs hạng<br>III) | Đại học                      | Y khoa                     | PNTU.BS<br>/001894 | 28/08/2024 | Trường Đại<br>học Y khoa<br>Phạm Ngọc<br>Thạch | Dân<br>tộc<br>Thiểu<br>số  | Đạt                     | Thi<br>AV                 |
| 32          | Đình Hoàng         | Vũ    | 31/08/1988                  | Nam          | Khoa Hôi<br>sức nhiễm   | Bác sĩ<br>(Bs hạng<br>III) | Thạc sĩ                      | Nhi<br>khoa                | A155118            | 26/12/2016 | Đại học Y<br>dược TP.<br>HCM                   |                            | Đạt                     | Thi<br>AV                 |
| 33          | Nguyễn Thị<br>Ngân | Hà    | 29/06/1996                  | Nữ           | Khoa Hôi<br>sức sơ sinh | Bác sĩ<br>(Bs hạng<br>III) | Đại học                      | Y khoa                     | UPNT.BS<br>/001427 | 30/12/2021 | Trường Đại<br>học Y khoa<br>Phạm Ngọc<br>Thạch |                            | Đạt                     | Thi<br>AV                 |

| S<br>T<br>T | Họ và tên lót     | Tên   | Ngày,<br>tháng, năm<br>sinh | Giới<br>tính | Khoa/Phò<br>ng                        | Vị trí<br>ứng<br>tuyển     | Trình độ chuyên môn cao nhất |                            |                     |            |                                                | Đôi<br>tượng<br>ưu<br>tiên | Kết<br>quả<br>vòng<br>1 | Sát<br>hạch<br>Anh<br>văn |
|-------------|-------------------|-------|-----------------------------|--------------|---------------------------------------|----------------------------|------------------------------|----------------------------|---------------------|------------|------------------------------------------------|----------------------------|-------------------------|---------------------------|
|             |                   |       |                             |              |                                       |                            | Trình<br>độ                  | Chuyên<br>ngành<br>đào tạo | Số bằng<br>cấp      | Ngày cấp   | Nơi cấp                                        |                            |                         |                           |
| 1           | 2                 | 3     | 4                           | 5            | 6                                     | 7                          | 8                            | 9                          | 10                  | 11         | 12                                             | 13                         | 14                      | 15                        |
| 34          | Trịnh Thanh       | Ngân  | 22/02/1997                  | Nữ           | Khoa Hồi<br>sức sơ sinh               | Bác sĩ<br>(Bs hạng<br>III) | Đại học                      | Y khoa                     | UPNT.BS<br>/001494  | 30/12/2021 | Trường Đại<br>học Y khoa<br>Phạm Ngọc<br>Thạch |                            | Đạt                     | Thi<br>AV                 |
| 35          | Hà Hiếu           | Nghĩa | 31/10/1997                  | Nam          | Khoa Hồi<br>sức sơ sinh               | Bác sĩ<br>(Bs hạng<br>III) | Đại học                      | Y khoa                     | UPNT.BS<br>/001294  | 30/12/2021 | Trường Đại<br>học Y khoa<br>Phạm Ngọc<br>Thạch | Dân<br>tộc<br>Thiểu<br>số  | Đạt                     | Thi<br>AV                 |
| 36          | Trần Tấn          | Phát  | 09/01/1996                  | Nam          | Khoa Hồi<br>sức tích cực<br>Chống độc | Bác sĩ<br>(Bs hạng<br>III) | Thạc sĩ                      | Nhi<br>khoa                | UPNT.Th<br>S/000432 | 05/04/2024 | Trường Đại<br>học Y khoa<br>Phạm Ngọc<br>Thạch | Dân<br>tộc<br>Thiểu<br>số  | Đạt                     | Thi<br>AV                 |
| 37          | Nguyễn Võ<br>Bạch | Thiện | 26/07/1996                  | Nam          | Khoa Hồi<br>sức tích cực<br>Chống độc | Bác sĩ<br>(Bs hạng<br>III) | Thạc sĩ                      | Nhi<br>khoa                | UPNT.Th<br>S/000436 | 05/04/2024 | Trường Đại<br>học Y khoa<br>Phạm Ngọc<br>Thạch |                            | Đạt                     | Thi<br>AV                 |
| 38          | Nguyễn Bảo        | Thiện | 28/02/1995                  | Nam          | Khoa Hồi<br>sức tích cực<br>Chống độc | Bác sĩ<br>(Bs hạng<br>III) | Thạc Sĩ                      | Nhi<br>khoa                | UPNT.Th<br>S/000319 | 07/06/2023 | Trường Đại<br>học Y khoa<br>Phạm Ngọc<br>Thạch |                            | Đạt                     | Thi<br>AV                 |
| 39          | Đặng Thành        | Danh  | 27/11/1991                  | Nam          | Khoa Mắt                              | Bác sĩ<br>(Bs hạng<br>III) | Đại học                      | Y khoa                     | UPNT.BS<br>/001219  | 30/12/2021 | Trường Đại<br>học Y khoa<br>Phạm Ngọc<br>Thạch |                            | Đạt                     | Thi<br>AV                 |
| 40          | Nguyễn Thị<br>Thu | Hiền  | 11/09/1997                  | Nữ           | Khoa Mắt                              | Bác sĩ<br>(Bs hạng<br>III) | Đại học                      | Y khoa                     | DND.6.0<br>131946   | 08/11/2021 | Đại học Đà<br>Nẵng                             |                            | Đạt                     | Thi<br>AV                 |

| S<br>T<br>T | Họ và tên lót        | Tên    | Ngày,<br>tháng, năm<br>sinh | Giới<br>tính | Khoa/Phò<br>ng            | Vị trí<br>ứng<br>tuyển     | Trình độ chuyên môn cao nhất |                            |                     |            |                                                | Đôi<br>tượng<br>ưu<br>tiên | Kết<br>quả<br>vòng<br>1 | Sát<br>hạch<br>Anh<br>văn  |
|-------------|----------------------|--------|-----------------------------|--------------|---------------------------|----------------------------|------------------------------|----------------------------|---------------------|------------|------------------------------------------------|----------------------------|-------------------------|----------------------------|
|             |                      |        |                             |              |                           |                            | Trình<br>độ                  | Chuyên<br>ngành<br>đào tạo | Số bằng<br>cấp      | Ngày cấp   | Nơi cấp                                        |                            |                         |                            |
| 1           | 2                    | 3      | 4                           | 5            | 6                         | 7                          | 8                            | 9                          | 10                  | 11         | 12                                             | 13                         | 14                      | 15                         |
| 41          | Võ Việt Lan          | Phương | 18/07/1991                  | Nữ           | Khoa Mắt                  | Bác sĩ<br>(Bs hạng<br>III) | Đại học                      | Y khoa                     | UPNT.BS<br>/000490  | 12/12/2019 | Trường Đại<br>học Y khoa<br>Phạm Ngọc<br>Thạch |                            | Đạt                     | Thi<br>AV                  |
| 42          | Nguyễn Trung<br>Dũng | Chinh  | 17/09/1996                  | Nam          | Khoa<br>Ngoại tổng<br>hợp | Bác sĩ<br>(Bs hạng<br>III) | Đại học                      | Y khoa                     | UPNT.BS<br>S/001408 | 30/12/2021 | Trường Đại<br>học Y khoa<br>Phạm Ngọc<br>Thạch |                            | Đạt                     | Thi<br>AV                  |
| 43          | Nguyễn Quốc          | Dũng   | 20/09/1995                  | Nam          | Khoa<br>Ngoại tổng<br>hợp | Bác sĩ<br>(Bs hạng<br>III) | Đại học                      | Y khoa                     | UPNT.BS<br>/000236  | 27/01/2021 | Trường Đại<br>học Y khoa<br>Phạm Ngọc<br>Thạch |                            | Đạt                     | Thi<br>AV                  |
| 44          | Trần Huy             | Hoàng  | 19/02/1995                  | Nam          | Khoa<br>Ngoại tổng<br>hợp | Bác sĩ<br>(Bs hạng<br>III) | Thạc sĩ                      | Ngoại<br>khoa              | YDS.ThS<br>.001297  | 25/12/2023 | Đại học Y<br>dược TP.<br>HCM                   |                            | Đạt                     | Thi<br>AV                  |
| 45          | Phùng<br>Nguyễn Việt | Hưng   | 01/08/1995                  | Nam          | Khoa<br>Ngoại tổng<br>hợp | Bác sĩ<br>(Bs hạng<br>III) | Thạc sĩ                      | Ngoại<br>khoa              | YDS.Ths.<br>000836  | 11/01/2023 | Đại học Y<br>dược TP.<br>HCM                   |                            | Đạt                     | Thi<br>AV                  |
| 46          | Nguyễn Thu           | Hương  | 10/02/1995                  | Nữ           | Khoa<br>Ngoại tổng<br>hợp | Bác sĩ<br>(Bs hạng<br>III) | Bác sĩ<br>nội trú            | Nhi<br>khoa                | 006175              | 18/01/2023 | Trường Đại<br>học Y dược<br>Hải Phòng          |                            | Đạt                     | Miễn<br>Thi<br>(Cử<br>nhân |
| 47          | Chung Như<br>Thanh   | Nguyên | 24/10/1997                  | Nữ           | Khoa<br>Ngoại tổng<br>hợp | Bác sĩ<br>(Bs hạng<br>III) | Đại học                      | Y khoa                     | CA1359              | 15/07/2021 | Đại học Y<br>dược Cần Thơ                      |                            | Đạt                     | Thi<br>AV                  |

| S<br>T<br>T | Họ và tên lót    | Tên    | Ngày,<br>tháng, năm<br>sinh | Giới<br>tính | Khoa/Phò<br>ng              | Vị trí<br>ứng<br>tuyển     | Trình độ chuyên môn cao nhất |                            |                     |            |                                                | Đối<br>tượng<br>ưu<br>tiên | Kết<br>quả<br>vòng<br>1 | Sát<br>hạch<br>Anh<br>văn |
|-------------|------------------|--------|-----------------------------|--------------|-----------------------------|----------------------------|------------------------------|----------------------------|---------------------|------------|------------------------------------------------|----------------------------|-------------------------|---------------------------|
|             |                  |        |                             |              |                             |                            | Trình<br>độ                  | Chuyên<br>ngành<br>đào tạo | Số bằng<br>cấp      | Ngày cấp   | Nơi cấp                                        |                            |                         |                           |
| 1           | 2                | 3      | 4                           | 5            | 6                           | 7                          | 8                            | 9                          | 10                  | 11         | 12                                             | 13                         | 14                      | 15                        |
| 48          | Trần Thị         | Phượng | 27/05/1996                  | Nữ           | Khoa<br>Ngoại tổng<br>hợp   | Bác sĩ<br>(Bs hạng<br>III) | Thạc sĩ                      | Y khoa                     | 001244              | 31/08/2020 | Đại học Y<br>được TP.<br>HCM                   |                            | Đạt                     | Thi<br>AV                 |
| 49          | Lê Hưng          | Thịnh  | 01/01/1996                  | Nam          | Khoa<br>Ngoại tổng<br>hợp   | Bác sĩ<br>(Bs hạng<br>III) | Đại học                      | Y khoa                     | CA0796              | 29/07/2020 | Đại học Y<br>được Cần Thơ                      |                            | Đạt                     | Thi<br>AV                 |
| 50          | Lại Hoàng<br>Bảo | Trâm   | 12/08/1996                  | Nữ           | Khoa<br>Ngoại tổng<br>hợp   | Bác sĩ<br>(Bs hạng<br>III) | Đại học                      | Y khoa                     | UPNT.BS<br>/001365  | 30/12/2021 | Trường Đại<br>học Y khoa<br>Phạm Ngọc<br>Thạch |                            | Đạt                     | Thi<br>AV                 |
| 51          | Hoàng            | Uy     | 13/04/1992                  | Nam          | Khoa<br>Ngoại tổng<br>hợp   | Bác sĩ<br>(Bs hạng<br>III) | Đại học                      | Y khoa                     | 001767              | 25/11/2020 | Đại học y<br>được<br>TP.HCM                    | Dân<br>tộc<br>Thiểu<br>số  | Đạt                     | Thi<br>AV                 |
| 52          | Phạm Thị<br>Mình | Anh    | 07/05/1997                  | Nữ           | Khoa<br>Nhiễm-<br>Thần kinh | Bác sĩ<br>(Bs hạng<br>III) | Đại học                      | Y khoa                     | QH35201<br>700422   | 18/01/2022 | Đại học quốc<br>gia TP.HCM                     |                            | Đạt                     | Thi<br>AV                 |
| 53          | Hồ Phạm<br>Mình  | Tâm    | 02/06/1993                  | Nam          | Khoa<br>Nhiễm-<br>Thần kinh | Bác sĩ<br>(Bs hạng<br>III) | Thạc sĩ                      | Nhi<br>khoa                | UPNT.Th<br>S/000028 | 25/03/2020 | Trường Đại<br>học Y khoa<br>Phạm Ngọc<br>Thạch |                            | Đạt                     | Thi<br>AV                 |
| 54          | Trần Thị Thùy    | Trang  | 21/09/1989                  | Nữ           | Khoa<br>Nhiễm-<br>Thần kinh | Bác sĩ<br>(Bs hạng<br>III) | Thạc sĩ                      | Nhi<br>khoa                | A184788             | 29/12/2017 | Đại học y<br>được<br>TP.HCM                    |                            | Đạt                     | Thi<br>AV                 |

| S<br>T<br>T | Họ và tên lót     | Tên   | Ngày,<br>tháng, năm<br>sinh | Giới<br>tính | Khoa/Phò<br>ng                          | Vị trí<br>ứng<br>tuyển     | Trình độ chuyên môn cao nhất |                            |                     |            |                                                | Đôi<br>trượng<br>ưu<br>tiên | Kết<br>quả<br>vòng<br>1 | Sát<br>hạch<br>Anh<br>văn |
|-------------|-------------------|-------|-----------------------------|--------------|-----------------------------------------|----------------------------|------------------------------|----------------------------|---------------------|------------|------------------------------------------------|-----------------------------|-------------------------|---------------------------|
|             |                   |       |                             |              |                                         |                            | Trình<br>độ                  | Chuyên<br>ngành<br>đào tạo | Số bằng<br>cấp      | Ngày cấp   | Nơi cấp                                        |                             |                         |                           |
| 1           | 2                 | 3     | 4                           | 5            | 6                                       | 7                          | 8                            | 9                          | 10                  | 11         | 12                                             | 13                          | 14                      | 15                        |
| 55          | Hà Thị            | Hương | 06/08/1988                  | Nữ           | Khoa Răng<br>Hàm Mặt                    | Bác sĩ<br>(Bs hạng<br>III) | Chuyên<br>Khoa<br>cấp I      | Răng<br>Hàm<br>Mặt         | 0060368             | 11/01/2023 | Đại học Y<br>dược TP.<br>HCM                   | Dân<br>tộc<br>Thiểu<br>số   | Đạt                     | Thi<br>AV                 |
| 56          | Trần Thị<br>Thanh | Tâm   | 28/02/1993                  | Nữ           | Khoa Sốt<br>xuất huyết                  | Bác sĩ<br>(Bs hạng<br>III) | Thạc Sĩ                      | Nhi khoa                   | UPNT.Th<br>S/000212 | 14/07/2022 | Trường Đại<br>học Y khoa<br>Phạm Ngọc<br>Thạch |                             | Đạt                     | Thi<br>AV                 |
| 57          | Lê Quỳnh          | Anh   | 21/07/1996                  | Nữ           | Khoa Sơ<br>sinh                         | Bác sĩ<br>(Bs hạng<br>III) | Thạc Sĩ                      | Nhi<br>khoa                | UPNT.Th<br>S/000422 | 05/04/2024 | Trường Đại<br>học Y khoa<br>Phạm Ngọc<br>Thạch |                             | Đạt                     | Thi<br>AV                 |
| 58          | Lê Thị Bích       | Hồng  | 22/03/2000                  | Nữ           | Khoa Sơ<br>sinh                         | Bác sĩ<br>(Bs hạng<br>III) | Đại học                      | Y khoa                     | PNTU.BS<br>/002323  | 28/08/2024 | Trường Đại<br>học Y khoa<br>Phạm Ngọc<br>Thạch |                             | Đạt                     | Thi<br>AV                 |
| 59          | Nguyễn Bùi<br>Thu | Tâm   | 22/09/1994                  | Nữ           | Khoa Sơ<br>sinh                         | Bác sĩ<br>(Bs hạng<br>III) | Thạc Sĩ                      | Nhi<br>khoa                | UPNT.Th<br>S/000318 | 07/06/2023 | Trường Đại<br>học Y khoa<br>Phạm Ngọc<br>Thạch |                             | Đạt                     | Thi<br>AV                 |
| 60          | Lê Các            | Uyên  | 29/05/1997                  | Nữ           | Khoa Sơ<br>sinh                         | Bác sĩ<br>(Bs hạng<br>III) | Đại học                      | Y khoa                     | UPNT.BS<br>/001377  | 30/12/2021 | Trường Đại<br>học Y khoa<br>Phạm Ngọc<br>Thạch |                             | Đạt                     | Thi<br>AV                 |
| 61          | Nguyễn Song       | Ngân  | 11/01/1996                  | Nữ           | Khoa Sơ<br>sinh 2-<br>Chuyển<br>hóa, di | Bác sĩ<br>(Bs hạng<br>III) | Thạc sĩ                      | Nhi<br>khoa                | UPNT.Th<br>S/000430 | 05/04/2024 | Trường Đại<br>học Y khoa<br>Phạm Ngọc<br>Thạch |                             | Đạt                     | Thi<br>AV                 |

| S<br>T<br>T | Họ và tên lót     | Tên   | Ngày,<br>tháng, năm<br>sinh | Giới<br>tính | Khoa/Phò<br>ng                | Vị trí<br>ứng<br>tuyển | Trình độ chuyên môn cao nhất |                            |                  |            |                                       | Đôi<br>tượng<br>ưu<br>tiên | Kết<br>quả<br>vòng<br>1 | Sát<br>hạch<br>Anh<br>văn |
|-------------|-------------------|-------|-----------------------------|--------------|-------------------------------|------------------------|------------------------------|----------------------------|------------------|------------|---------------------------------------|----------------------------|-------------------------|---------------------------|
|             |                   |       |                             |              |                               |                        | Trình<br>độ                  | Chuyên<br>ngành<br>đào tạo | Số bằng<br>cấp   | Ngày cấp   | Nơi cấp                               |                            |                         |                           |
| 1           | 2                 | 3     | 4                           | 5            | 6                             | 7                      | 8                            | 9                          | 10               | 11         | 12                                    | 13                         | 14                      | 15                        |
| 62          | Trần Thị Hồng     | Nhung | 22/07/1995                  | Nữ           | Khoa Sơ sinh 2-Chuyên hóa, di | Bác sĩ (Bs hạng III)   | Thạc sĩ                      | Nhi khoa                   | UPNT.Th S/000431 | 05/04/2024 | Trường Đại học Y khoa Phạm Ngọc Thạch |                            | Đạt                     | Thi AV                    |
| 63          | Nguyễn Minh Trí   | Trí   | 06/11/1995                  | Nam          | Khoa Tai Mũi Họng             | Bác sĩ (Bs hạng III)   | Thạc sĩ                      | ai mũi họng                | UPNT.Th S/000335 | 07/06/2023 | Trường Đại học Y khoa Phạm Ngọc Thạch |                            | Đạt                     | Thi AV                    |
| 64          | Nguyễn Thị Phương | Quỳnh | 24/11/1993                  | Nữ           | Khoa Tâm lý                   | Bác sĩ (Bs hạng III)   | Chuyên Khoa cấp I            | Nhi khoa                   | 0067641          | 15/05/2024 | Trường Đại học Y khoa Phạm Ngọc Thạch |                            | Đạt                     | Thi AV                    |
| 65          | Nguyễn Phước      | Sang  | 22/10/1994                  | Nam          | Khoa Tâm lý                   | Bác sĩ (Bs hạng III)   | Đại học                      | Y khoa                     | UPNT.BS 000500   | 12/12/2019 | Trường Đại học Y khoa Phạm Ngọc Thạch |                            | Đạt                     | Thi AV                    |
| 66          | Đặng Thúy Hằng    | Hằng  | 02/12/1991                  | Nữ           | Khoa Tâm lý                   | Bác sĩ (Bs hạng III)   | Chuyên Khoa cấp I            | Tâm Thần                   | 0045884          | 25/12/2019 | Đại học Y dược TP.Hồ Chí Minh         |                            | Đạt                     | Thi AV                    |
| 67          | Nguyễn Yên Nhi    | Nhi   | 14/07/1995                  | Nữ           | Khoa Tim mạch                 | Bác sĩ (Bs hạng III)   | Bác sĩ nội trú               | Nhi khoa                   | 006094           | 11/01/2023 | Đại học y dược TP.HCM                 |                            | Đạt                     | Thi AV                    |
| 68          | Huỳnh Minh Rạng   | Rạng  | 17/03/1995                  | Nam          | Khoa Tim mạch                 | Bác sĩ (Bs hạng III)   | Bác sĩ nội trú               | Nhi khoa                   | 006096           | 11/01/2023 | Đại học y dược TP.HCM                 |                            | Đạt                     | Thi AV                    |

| S<br>T<br>T                                  | Họ và tên lót      | Tên   | Ngày,<br>tháng, năm<br>sinh | Giới<br>tính | Khoa/Phò<br>ng                   | Vị trí<br>ứng<br>tuyển             | Trình độ chuyên môn cao nhất |                            |                     |            |                                                | Đôi<br>trượng<br>ưu<br>tiên | Kết<br>quả<br>vòng<br>1 | Sát<br>hạch<br>Anh<br>văn |
|----------------------------------------------|--------------------|-------|-----------------------------|--------------|----------------------------------|------------------------------------|------------------------------|----------------------------|---------------------|------------|------------------------------------------------|-----------------------------|-------------------------|---------------------------|
|                                              |                    |       |                             |              |                                  |                                    | Trình<br>độ                  | Chuyên<br>ngành<br>đào tạo | Số bằng<br>cấp      | Ngày cấp   | Nơi cấp                                        |                             |                         |                           |
| 1                                            | 2                  | 3     | 4                           | 5            | 6                                | 7                                  | 8                            | 9                          | 10                  | 11         | 12                                             | 13                          | 14                      | 15                        |
| 69                                           | Đào Tuấn           | Anh   | 28/06/1996                  | Nam          | Khoa Thận-<br>Nội tiết           | Bác sĩ<br>(Bs hạng<br>III)         | Thạc sĩ                      | Nhi<br>khoa                | UPNT.Th<br>S/000421 | 05/04/2024 | Trường Đại<br>học Y khoa<br>Phạm Ngọc<br>Thạch |                             | Đạt                     | Thi<br>AV                 |
| 70                                           | Phạm Quốc          | Cường | 26/05/1996                  | Nam          | Khoa Thận-<br>Nội tiết           | Bác sĩ<br>(Bs hạng<br>III)         | Thạc sĩ                      | Y khoa                     | YDS.ThS<br>.001331  | 25/12/2023 | Đại học y<br>dược<br>TP.HCM                    |                             | Đạt                     | Thi<br>AV                 |
| 71                                           | Quan Gia           | Linh  | 03/12/1997                  | Nữ           | Khoa Xét<br>nghiệm<br>Sinh hóa   | Bác sĩ<br>(Bs hạng<br>III)         | Đại học                      | Y khoa                     | UPNT.BS<br>/001626  | 30/12/2021 | Trường Đại<br>học Y khoa<br>Phạm Ngọc<br>Thạch | Dân<br>tộc<br>Thiểu<br>số   | Đạt                     | Thi<br>AV                 |
| 72                                           | Hồ Lê Minh         | Thư   | 17/07/1997                  | Nữ           | P. Kế<br>hoạch tổng<br>hợp       | Bác sĩ<br>(Bs hạng<br>III)         | Đại học                      | Y khoa                     | YDS.B1.<br>000383   | 24/09/2021 | Đại học y<br>dược<br>TP.HCM                    |                             | Đạt                     | Thi<br>AV                 |
| 73                                           | Nguyễn Minh<br>Bảo | Lâm   | 23/11/1996                  | Nam          | P. Kế<br>hoạch tổng<br>hợp       | Bác sĩ<br>(Bs hạng<br>III)         | Đại học                      | Y khoa                     | 001146              | 31/08/2020 | Đại học y<br>dược<br>TP.HCM                    |                             | Đạt                     | Thi<br>AV                 |
| 74                                           | Bùi Thị Bích       | Ngọc  | 26/02/1995                  | Nữ           | Phòng Chi<br>đạo tuyển           | Bác sĩ<br>(Bs hạng<br>III)         | Đại học                      | Y khoa                     | HPMU.D<br>001035    | 28/07/2020 | Đại học Y<br>dược Hải<br>Phòng                 |                             | Đạt                     | Thi<br>AV                 |
| <b>II. Y TẾ CÔNG CỘNG HẠNG III: 03 người</b> |                    |       |                             |              |                                  |                                    |                              |                            |                     |            |                                                |                             |                         |                           |
| 1                                            | Phan Ngọc          | Nhân  | 20/03/1998                  | Nam          | Khoa Kiểm<br>soát nhiễm<br>khuẩn | Y tế công<br>cộng<br>(Hạng<br>III) | Đại học                      | Y học dự ph                | 001983              | 26/08/2022 | Đại học Y<br>dược TP.<br>HCM                   |                             | Đạt                     | Thi<br>AV                 |

| S<br>T<br>T                             | Họ và tên lót       | Tên    | Ngày,<br>tháng, năm<br>sinh | Giới<br>tính | Khoa/Phò<br>ng                 | Vị trí<br>ứng<br>tuyển             | Trình độ chuyên môn cao nhất |                            |                    |            |                                | Đôi<br>tượng<br>ưu<br>tiên | Kết<br>quả<br>vòng<br>1 | Sát<br>hạch<br>Anh<br>văn |
|-----------------------------------------|---------------------|--------|-----------------------------|--------------|--------------------------------|------------------------------------|------------------------------|----------------------------|--------------------|------------|--------------------------------|----------------------------|-------------------------|---------------------------|
|                                         |                     |        |                             |              |                                |                                    | Trình<br>độ                  | Chuyên<br>ngành<br>đào tạo | Số bằng<br>cấp     | Ngày cấp   | Nơi cấp                        |                            |                         |                           |
| 1                                       | 2                   | 3      | 4                           | 5            | 6                              | 7                                  | 8                            | 9                          | 10                 | 11         | 12                             | 13                         | 14                      | 15                        |
| 2                                       | Hà Thị Thúy         | Hằng   | 20/10/1998                  | Nữ           | Phòng<br>Quản lý<br>chất lượng | Y tế công<br>cộng<br>(Hạng<br>III) | Đại học                      | Y học<br>dự<br>phòng       | 002648             | 31/08/2023 | Đại học Y<br>dược TP.<br>HCM   |                            | Đạt                     | Thi<br>AV                 |
| 3                                       | Nguyễn Minh         | Phương | 28/01/2000                  | Nam          | Phòng Chi<br>đạo tuyển         | Y tế công<br>cộng<br>(Hạng<br>III) | Đại học                      | Y tế<br>công<br>cộng       | YDS.CN.<br>001416  | 02/11/2022 | Đại học Y<br>dược TP.<br>HCM   |                            | Đạt                     | Thi<br>AV                 |
| <b>III. DƯỢC SĨ HẠNG III : 06 người</b> |                     |        |                             |              |                                |                                    |                              |                            |                    |            |                                |                            |                         |                           |
| 1                                       | Phạm Thị Hà         | Duyên  | 22/02/19997                 | Nữ           | Khoa Dược                      | Dược sĩ<br>hạng III                | Đại học                      | Dược sĩ                    | 000619             | 04/09/2020 | Đại học Y<br>dược<br>TP.HCM    |                            | Đạt                     | Thi<br>AV                 |
| 2                                       | Giang Gia           | Hân    | 30/03/1995                  | Nữ           | Khoa Dược                      | Dược sĩ<br>hạng III                | Đại học                      | Dược<br>học                | NTTDS.1<br>0102620 | 14/08/2024 | Đại học<br>Nguyễn Tất<br>Thành | Dân<br>tộc<br>Thiểu<br>số  | Đạt                     | Thi<br>AV                 |
| 3                                       | Tiêu Đức            | Lợi    | 10/04/2000                  | Nam          | Khoa Dược                      | Dược sĩ<br>hạng III                | Đại học                      | Dược sĩ                    | YDS.DS.<br>001054  | 24/08/2023 | Đại học Y<br>dược<br>TP.HCM    | Dân<br>tộc<br>Thiểu<br>số  | Đạt                     | Thi<br>AV                 |
| 4                                       | Nguyễn Trần<br>Thảo | Ngân   | 15/11/2001                  | Nữ           | Khoa Dược                      | Dược sĩ<br>hạng III                | Đại học                      | Dược sĩ                    | YDS.DS.<br>001548  | 06/08/2024 | Đại học Y<br>dược<br>TP.HCM    |                            | Đạt                     | Thi<br>AV                 |
| 5                                       | Nguyễn Lê<br>Thư    | Trúc   | 20/06/1999                  | Nữ           | Khoa Dược                      | Dược sĩ<br>hạng III                | Đại học                      | Dược sĩ                    | YDS.DS.<br>000702  | 23/08/2022 | Đại học Y<br>dược<br>TP.HCM    |                            | Đạt                     | Thi<br>AV                 |

| S<br>T<br>T                              | Họ và tên lót     | Tên   | Ngày,<br>tháng, năm<br>sinh | Giới<br>tính | Khoa/Phò<br>ng              | Vị trí<br>ứng<br>tuyển | Trình độ chuyên môn cao nhất |                               |                   |            |                                                 | Đôi<br>tượng<br>ưu<br>tiên | Kết<br>quả<br>vòng<br>1 | Sát<br>hạch<br>Anh<br>văn |
|------------------------------------------|-------------------|-------|-----------------------------|--------------|-----------------------------|------------------------|------------------------------|-------------------------------|-------------------|------------|-------------------------------------------------|----------------------------|-------------------------|---------------------------|
|                                          |                   |       |                             |              |                             |                        | Trình<br>độ                  | Chuyên<br>ngành<br>đào tạo    | Số bằng<br>cấp    | Ngày cấp   | Nơi cấp                                         |                            |                         |                           |
| 1                                        | 2                 | 3     | 4                           | 5            | 6                           | 7                      | 8                            | 9                             | 10                | 11         | 12                                              | 13                         | 14                      | 15                        |
| 6                                        | Trần Văn          | Vương | 10/08/1995                  | Nam          | Khoa Dược                   | Dược sĩ<br>hạng III    | Đại học                      | Dược sĩ                       | 024047            | 06/09/2018 | Đại học Y<br>dược<br>TP.HCM                     |                            | Đạt                     | Thi<br>AV                 |
| <b>IV. DƯỢC HẠNG IV: 05 người</b>        |                   |       |                             |              |                             |                        |                              |                               |                   |            |                                                 |                            |                         |                           |
| 1                                        | Trịnh Thị<br>Ngọc | Uyên  | 04/09/2003                  | Nữ           | Khoa Dược                   | Dược<br>hạng IV        | Cao<br>đẳng                  | Dược                          | PNTA028<br>9      | 15/08/2024 | Trường Cao<br>đẳng Y Khoa<br>Phạm Ngọc<br>Thạch |                            | Đạt                     | Không<br>Thi<br>AV        |
| 2                                        | Ngô Thị Kim       | Dung  | 05/12/1999                  | Nữ           | Khoa<br>Nhiễm-<br>thần kinh | Dược<br>hạng IV        | Cao<br>đẳng                  | Dược                          | YDP0035<br>02     | 13/11/2020 | Trường Cao<br>đẳng Y dược<br>Pasteur            |                            | Đạt                     | Không<br>Thi<br>AV        |
| 3                                        | Huỳnh Duy         | Thảo  | 29/03/1999                  | Nữ           | Khoa Hồi<br>sức sơ sinh     | Dược<br>hạng IV        | Cao<br>đẳng                  | Dược                          | YDP0041<br>40     | 13/11/2020 | Trường Cao<br>đẳng Y dược<br>Pasteur            |                            | Đạt                     | Không<br>Thi<br>AV        |
| 4                                        | Đặng Kim          | Ngân  | 22/03/1999                  | Nữ           | Khoa Hô<br>hấp              | Dược<br>hạng IV        | Cao<br>đẳng                  | Dược                          | B001396           | 16/10/2020 | Trường Cao<br>đẳng y tế<br>Đồng Tháp            |                            | Đạt                     | Không<br>Thi<br>AV        |
| 5                                        | Trần Thị<br>Quỳnh | Nhi   | 18/08/1999                  | Nữ           | Khoa Hồi<br>sức nhiễm       | Dược<br>hạng IV        | Cao<br>đẳng                  | Dược                          | YDP0039<br>71     | 13/11/2020 | Trường Cao<br>đẳng Y dược<br>Pasteur            |                            | Đạt                     | Không<br>Thi<br>AV        |
| <b>V. KỸ THUẬT Y HẠNG III : 15 người</b> |                   |       |                             |              |                             |                        |                              |                               |                   |            |                                                 |                            |                         |                           |
| 1                                        | Lê Ngọc Quế       | Anh   | 16/09/2001                  | Nữ           | Khoa<br>CĐHA X-<br>Quang    | Kỹ thuật<br>y hạng III | Đại học                      | Kỹ thuật<br>hình ảnh<br>y học | YDS.CN.<br>002426 | 31/08/2023 | Đại học Y<br>dược<br>TP.HCM                     |                            | Đạt                     | Thi<br>AV                 |

| S<br>T<br>T | Họ và tên lót   | Tên   | Ngày,<br>tháng, năm<br>sinh | Giới<br>tính | Khoa/Phò<br>ng           | Vị trí<br>ứng<br>tuyển | Trình độ chuyên môn cao nhất |                                    |                   |            |                                                 | Đôi<br>tượng<br>ưu<br>tiên | Kết<br>quả<br>vòng<br>1 | Sát<br>hạch<br>Anh<br>văn |
|-------------|-----------------|-------|-----------------------------|--------------|--------------------------|------------------------|------------------------------|------------------------------------|-------------------|------------|-------------------------------------------------|----------------------------|-------------------------|---------------------------|
|             |                 |       |                             |              |                          |                        | Trình<br>độ                  | Chuyên<br>ngành<br>đào tạo         | Số bằng<br>cấp    | Ngày cấp   | Nơi cấp                                         |                            |                         |                           |
| 1           | 2               | 3     | 4                           | 5            | 6                        | 7                      | 8                            | 9                                  | 10                | 11         | 12                                              | 13                         | 14                      | 15                        |
| 2           | Nguyễn Thị Ngọc | Ánh   | 31/12/2001                  | Nữ           | Khoa<br>CDHA X-<br>Quang | Kỹ thuật<br>y hạng III | Đại học                      | Kỹ thuật<br>hình ảnh<br>y học      | YDS.CN.<br>002064 | 31/08/2023 | Đại học Y<br>dược<br>TP.HCM                     |                            | Đạt                     | Thi<br>AV                 |
| 3           | Đặng Thị Thu    | Hà    | 31/03/2000                  | Nữ           | Khoa<br>CDHA X-<br>Quang | Kỹ thuật<br>y hạng III | Đại học                      | Kỹ thuật<br>hình ảnh<br>y học      | YDS.CN.<br>000943 | 20/09/2022 | Đại học Y<br>dược<br>TP.HCM                     |                            | Đạt                     | Thi<br>AV                 |
| 4           | Trần Nguyên     | Long  | 10/12/2000                  | Nam          | Khoa<br>CDHA X-<br>Quang | Kỹ thuật<br>y hạng III | Đại học                      | Kỹ thuật<br>hình ảnh<br>y học      | YDS.CN.<br>000961 | 20/09/2022 | Đại học Y<br>dược<br>TP.HCM                     |                            | Đạt                     | Thi<br>AV                 |
| 5           | Võ Thị Lê       | Ngân  | 10/05/200                   | Nữ           | Khoa<br>CDHA X-<br>Quang | Kỹ thuật<br>y hạng III | Đại học                      | Kỹ thuật<br>hình ảnh<br>y học      | 001471            | 16/09/2022 | Trường Đại<br>học Kỹ thuật<br>Y-Dược Đà<br>Nẵng |                            | Đạt                     | Thi<br>AV                 |
| 6           | Phan Thị Kim    | Sa    | 22/01/2001                  | Nữ           | Khoa<br>CDHA X-<br>Quang | Kỹ thuật<br>y hạng III | Đại học                      | Kỹ thuật<br>xét<br>nghiệm<br>y học | YDS.CN.<br>002409 | 31/08/2023 | Đại học Y<br>dược<br>TP.HCM                     |                            | Đạt                     | Thi<br>AV                 |
| 7           | Đặng Tiến       | Thanh | 01/03/2001                  | Nam          | Khoa<br>CDHA X-<br>Quang | Kỹ thuật<br>y hạng III | Đại học                      | Kỹ thuật<br>hình ảnh<br>y học      | YDS.CN.<br>002414 | 31/08/2023 | Đại học Y<br>dược<br>TP.HCM                     |                            | Đạt                     | Thi<br>AV                 |
| 8           | Lê Thị Anh      | Thư   | 16/03/1999                  | Nữ           | Khoa<br>CDHA X-<br>Quang | Kỹ thuật<br>y hạng III | Đại học                      | Kỹ thuật<br>hình ảnh<br>y học      | YDS.CN.<br>000989 | 20/09/2022 | Đại học Y<br>dược<br>TP.HCM                     |                            | Đạt                     | Thi<br>AV                 |

| S<br>T<br>T                              | Họ và tên lót        | Tên    | Ngày,<br>tháng, năm<br>sinh | Giới<br>tính | Khoa/Phò<br>ng                                    | Vị trí<br>ứng<br>tuyển | Trình độ chuyên môn cao nhất |                                      |                    |            |                                                | Đôi<br>tượng<br>ưu<br>tiên | Kết<br>quả<br>vòng<br>1 | Sát<br>hạch<br>Anh<br>văn |
|------------------------------------------|----------------------|--------|-----------------------------|--------------|---------------------------------------------------|------------------------|------------------------------|--------------------------------------|--------------------|------------|------------------------------------------------|----------------------------|-------------------------|---------------------------|
|                                          |                      |        |                             |              |                                                   |                        | Trình<br>độ                  | Chuyên<br>ngành<br>đào tạo           | Số bằng<br>cấp     | Ngày cấp   | Nơi cấp                                        |                            |                         |                           |
| 1                                        | 2                    | 3      | 4                           | 5            | 6                                                 | 7                      | 8                            | 9                                    | 10                 | 11         | 12                                             | 13                         | 14                      | 15                        |
| 9                                        | Phạm Văn             | Trường | 06/08/2001                  | Nam          | Khoa<br>CĐHA X-<br>Quang                          | Kỹ thuật<br>y hạng III | Đại học                      | Kỹ thuật<br>hình ảnh<br>y học        | YDS.CN.<br>002426  | 31/08/2023 | Đại học Y<br>dược<br>TP.HCM                    |                            | Đạt                     | Thi<br>AV                 |
| 10                                       | Tiên Thoại           | Vy     | 27/08/2001                  | Nữ           | Khoa<br>CĐHA X-<br>Quang                          | Kỹ thuật<br>y hạng III | Đại học                      | Kỹ thuật<br>xét<br>nghiệm<br>y học   | YDS.CN<br>002433   | 31/08/2023 | Đại học Y<br>dược<br>TP.HCM                    | Dân<br>tộc<br>Thiểu<br>số  | Đạt                     | Thi<br>AV                 |
| 11                                       | Nguyễn<br>Tuông      | Vy     | 21/03/1999                  | Nữ           | Khoa<br>CĐHA X-<br>Quang                          | Kỹ thuật<br>y hạng III | Đại học                      | Kỹ thuật<br>xét<br>nghiệm<br>y học   | UPNT.C<br>N/000635 | 30/12/2021 | Trường Đại<br>học Y khoa<br>Phạm Ngọc<br>Thạch |                            | Đạt                     | Thi<br>AV                 |
| 12                                       | Trần Minh            | Nhật   | 01/02/1999                  | Nam          | Khoa Giải<br>phẫu bệnh<br>lý                      | Kỹ thuật<br>y hạng III | Đại học                      | Kỹ thuật<br>xét<br>nghiệm<br>y học   | YDS.CN.<br>000509  | 16/09/2021 | Đại học Y<br>dược<br>TP.HCM                    |                            | Đạt                     | Thi<br>AV                 |
| 13                                       | Lê Thị Thảo          | Nhi    | 29/04/2000                  | Nữ           | Khoa Giải<br>phẫu bệnh<br>lý                      | Kỹ thuật<br>y hạng III | Đại học                      | Kỹ thuật<br>xét<br>nghiệm<br>y học   | YDS.CN.<br>000794  | 20/09/2022 | Đại học Y<br>dược<br>TP.HCM                    |                            | Đạt                     | Thi<br>AV                 |
| 14                                       | Lý Trần<br>Thanh     | Hằng   | 04/11/2000                  | Nữ           | Khoa Vật<br>lý trị liệu-<br>Phục hồi<br>chức năng | Kỹ thuật<br>y hạng III | Đại học                      | Kỹ thuật<br>phục hồi<br>chức<br>năng | YDS.CN.<br>000856  | 20/09/2022 | Đại học Y<br>dược<br>TP.HCM                    | Dân<br>tộc<br>Thiểu<br>số  | Đạt                     | Thi<br>AV                 |
| 15                                       | Dương<br>Nguyễn Nhật | Tuyền  | 06/02/2000                  | Nữ           | Khoa Xét<br>nghiệm<br>sinh hóa                    | Kỹ thuật<br>y hạng III | Đại học                      | Kỹ thuật<br>xét<br>nghiệm<br>y học   | BS00864            | 15/02/2023 | Đại học quốc<br>tế Hồng Bàng                   |                            | Đạt                     | Thi<br>AV                 |
| <b>VI. ĐIỀU DƯỠNG HẠNG III: 50 người</b> |                      |        |                             |              |                                                   |                        |                              |                                      |                    |            |                                                |                            |                         |                           |

| S<br>T<br>T | Họ và tên lót    | Tên  | Ngày,<br>tháng, năm<br>sinh | Giới<br>tính | Khoa/Phò<br>ng        | Vị trí<br>ứng<br>tuyển    | Trình độ chuyên môn cao nhất |                            |                  |            |                                                | Đôi<br>trượng<br>ưu<br>tiên | Kết<br>quả<br>vòng<br>1 | Sát<br>hạch<br>Anh<br>văn |
|-------------|------------------|------|-----------------------------|--------------|-----------------------|---------------------------|------------------------------|----------------------------|------------------|------------|------------------------------------------------|-----------------------------|-------------------------|---------------------------|
|             |                  |      |                             |              |                       |                           | Trình<br>độ                  | Chuyên<br>ngành<br>đào tạo | Số bằng<br>cấp   | Ngày cấp   | Nơi cấp                                        |                             |                         |                           |
| 1           | 2                | 3    | 4                           | 5            | 6                     | 7                         | 8                            | 9                          | 10               | 11         | 12                                             | 13                          | 14                      | 15                        |
| 1           | Hà Phương        | Anh  | 18/09/2001                  | Nữ           | Khoa Cấp<br>cứu       | Điều<br>dưỡng<br>hạng III | Đại học                      | Điều<br>dưỡng              | BA<br>01138      | 10/07/2023 | Trường Đại<br>học quốc tế<br>Hong Bang         |                             | Đạt                     | Thi<br>AV                 |
| 2           | Tạ Nguyễn<br>Bảo | Châu | 15/07/2001                  | Nữ           | Khoa Cấp<br>cứu       | Điều<br>dưỡng<br>hạng III | Đại học                      | Điều<br>dưỡng              | BA01141          | 10/07/2023 | Trường Đại<br>học quốc tế<br>Hong Bang         | Dân<br>tộc<br>Thiểu<br>số   | Đạt                     | Thi<br>AV                 |
| 3           | Trần Hoàng       | Lộc  | 27/09/1990                  | Nam          | Khoa Cấp<br>cứu       | Điều<br>dưỡng<br>hạng III | Đại học                      | Điều<br>dưỡng              | TVU.1.02<br>5006 | 14/10/2022 | Trường Đại<br>học Trà Vinh                     |                             | Đạt                     | Thi<br>AV                 |
| 4           | Phan Lê Minh     | Tâm  | 29/09/2000                  | Nữ           | Khoa Cấp<br>cứu       | Điều<br>dưỡng<br>hạng III | Đại học                      | Điều<br>dưỡng              | BA00035          | 09/09/2022 | Trường Đại<br>học quốc tế<br>Hong Bang         |                             | Đạt                     | Thi<br>AV                 |
| 5           | Đào Anh          | Thư  | 12/05/1989                  | Nữ           | Khoa Cấp<br>cứu       | Điều<br>dưỡng<br>hạng III | Đại học                      | Điều<br>dưỡng              | 1212987          | 06/04/2016 | Trường Đại<br>học quốc tế<br>Hong Bang         |                             | Đạt                     | Thi<br>AV                 |
| 6           | Trần Thị Thu     | Hiền | 14/11/1994                  | Nữ           | Khoa Hồi<br>sức ngoại | Điều<br>dưỡng<br>hạng III | Đại học                      | Điều<br>dưỡng              | 1436560          | 11/11/2016 | Trường Đại<br>học Y khoa<br>Phạm Ngọc<br>Thạch |                             | Đạt                     | Thi<br>AV                 |
| 7           | Hồ Nguyễn<br>Kim | Trúc | 02/03/1993                  | Nữ           | Khoa Hồi<br>sức ngoại | Điều<br>dưỡng<br>hạng III | Đại học                      | Điều<br>dưỡng              | 1242088          | 02/12/2016 | Trường Đại<br>học quốc tế<br>Hong Bang         |                             | Đạt                     | Thi<br>AV                 |

| S<br>T<br>T | Họ và tên lót                | Tên    | Ngày,<br>tháng, năm<br>sinh | Giới<br>tính | Khoa/Phò<br>ng        | Vị trí<br>ứng<br>tuyển    | Trình độ chuyên môn cao nhất |                            |                   |            |                                        | Đôi<br>tượng<br>ưu<br>tiên | Kết<br>quả<br>vòng<br>1 | Sát<br>hạch<br>Anh<br>văn |
|-------------|------------------------------|--------|-----------------------------|--------------|-----------------------|---------------------------|------------------------------|----------------------------|-------------------|------------|----------------------------------------|----------------------------|-------------------------|---------------------------|
|             |                              |        |                             |              |                       |                           | Trình<br>độ                  | Chuyên<br>ngành<br>đào tạo | Số bằng<br>cấp    | Ngày cấp   | Nơi cấp                                |                            |                         |                           |
| 1           | 2                            | 3      | 4                           | 5            | 6                     | 7                         | 8                            | 9                          | 10                | 11         | 12                                     | 13                         | 14                      | 15                        |
| 8           | Ngô Kim                      | Chi    | 10/09/2001                  | Nữ           | Khoa Hôi<br>sức Nhiễm | Điều<br>dưỡng<br>hạng III | Đại học                      | Điều<br>dưỡng              | YDS.CN.<br>001526 | 31/08/2023 | Đại học Y<br>dược TP.Hồ<br>Chí Minh    |                            | Đạt                     | Thi<br>AV                 |
| 9           | Khiếu Thị                    | Hương  | 24/06/2000                  | Nữ           | Khoa Hôi<br>sức Nhiễm | Điều<br>dưỡng<br>hạng III | Đại học                      | Điều<br>dưỡng              | YDS.CN.<br>001279 | 20/09/2022 | Đại học Y<br>dược TP.Hồ<br>Chí Minh    |                            | Đạt                     | Thi<br>AV                 |
| 10          | Nguyễn Thị<br>Yên            | Khoa   | 13/02/2000                  | Nữ           | Khoa Hôi<br>sức Nhiễm | Điều<br>dưỡng<br>hạng III | Đại học                      | Điều<br>dưỡng              | BA01151           | 10/07/2023 | Trường Đại<br>học quốc tế<br>Hong Bang |                            | Đạt                     | Thi<br>AV                 |
| 11          | Đinh Thị<br>Hoàng            | Linh   | 12/03/2001                  | Nữ           | Khoa Hôi<br>sức Nhiễm | Điều<br>dưỡng<br>hạng III | Đại học                      | Điều<br>dưỡng              | BA01152           | 10/07/2023 | Trường Đại<br>học quốc tế<br>Hong Bang |                            | Đạt                     | Thi<br>AV                 |
| 12          | Lê Hoàng<br>Thảo             | Nguyên | 22/04/1997                  | Nữ           | Khoa Hôi<br>sức Nhiễm | Điều<br>dưỡng<br>hạng III | Đại học                      | Điều<br>dưỡng              | 1632929           | 30/12/2020 | Trường đại<br>học Nguyễn<br>Tất Thành  |                            | Đạt                     | Thi<br>AV                 |
| 13          | Hoàng<br>Nguyễn Ngọc<br>Uyển | Nhi    | 04/01/2000                  | Nữ           | Khoa Hôi<br>sức Nhiễm | Điều<br>dưỡng<br>hạng III | Đại học                      | Điều<br>dưỡng              | DND.6.0<br>149426 | 08/09/2022 | Đại học Đà<br>Nẵng                     |                            | Đạt                     | Thi<br>AV                 |
| 14          | Cao Thị Bích                 | Phượng | 05/02/1996                  | Nữ           | Khoa Hôi<br>sức Nhiễm | Điều<br>dưỡng<br>hạng III | Đại học                      | Điều<br>dưỡng              | 1632431           | 09/09/2020 | Trường đại<br>học Nguyễn<br>Tất Thành  |                            | Đạt                     | Thi<br>AV                 |

| S<br>T<br>T | Họ và tên lót      | Tên   | Ngày,<br>tháng, năm<br>sinh | Giới<br>tính | Khoa/Phò<br>ng          | Vị trí<br>ứng<br>tuyển    | Trình độ chuyên môn cao nhất |                            |                    |            |                                                | Đôi<br>tượng<br>ưu<br>tiên | Kết<br>quả<br>vòng<br>1 | Sát<br>hạch<br>Anh<br>văn |
|-------------|--------------------|-------|-----------------------------|--------------|-------------------------|---------------------------|------------------------------|----------------------------|--------------------|------------|------------------------------------------------|----------------------------|-------------------------|---------------------------|
|             |                    |       |                             |              |                         |                           | Trình<br>độ                  | Chuyên<br>ngành<br>đào tạo | Số bằng<br>cấp     | Ngày cấp   | Nơi cấp                                        |                            |                         |                           |
| 1           | 2                  | 3     | 4                           | 5            | 6                       | 7                         | 8                            | 9                          | 10                 | 11         | 12                                             | 13                         | 14                      | 15                        |
| 15          | Trần Tuyết         | Tiên  | 24/03/1998                  | Nữ           | Khoa Hôi<br>Sức Nhiễm   | Điều<br>dưỡng<br>hạng III | Đại học                      | Điều<br>dưỡng              | CN00758            | 17/12/2020 | Trường Đại<br>học quốc tế<br>Hong Bang         | Dân<br>tộc<br>Thiểu<br>số  | Đạt                     | Thi<br>AV                 |
| 16          | Trần Lê Thị<br>Bảo | Trâm  | 22/06/2000                  | Nữ           | Khoa Hôi<br>sức Nhiễm   | Điều<br>dưỡng<br>hạng III | Đại học                      | Điều<br>dưỡng              | BA00045            | 09/09/2022 | Trường Đại<br>học quốc tế<br>Hong Bang         |                            | Đạt                     | Thi<br>AV                 |
| 17          | Nguyễn Minh        | Anh   | 17/08/2001                  | Nữ           | Khoa Hôi<br>sức sơ sinh | Điều<br>dưỡng<br>hạng III | Đại học                      | Điều<br>dưỡng              | BA<br>01139        | 10/07/2023 | Trường Đại<br>học quốc tế<br>Hong Bang         |                            | Đạt                     | Thi<br>AV                 |
| 18          | Nguyễn Thị<br>Trà  | My    | 28/08/2001                  | Nữ           | Khoa Hôi<br>sức sơ sinh | Điều<br>dưỡng<br>hạng III | Đại học                      | Điều<br>dưỡng              | BA<br>01155        | 10/07/2023 | Trường Đại<br>học quốc tế<br>Hong Bang         |                            | Đạt                     | Thi<br>AV                 |
| 19          | Phạm Thị Thu       | Trang | 18/03/1996                  | Nữ           | Khoa Hôi<br>sức sơ sinh | Điều<br>dưỡng<br>hạng III | Đại học                      | Điều<br>dưỡng              | 1746431            | 26/08/2019 | Trường Đại<br>học quốc tế<br>Hong Bang         |                            | Đạt                     | Thi<br>AV                 |
| 20          | Kiều Bích          | Vy    | 28/07/1997                  | Nữ           | Khoa Hôi<br>sức sơ sinh | Điều<br>dưỡng<br>hạng III | Đại học                      | Điều<br>dưỡng              | BA<br>01184        | 10/07/2023 | Trường Đại<br>học quốc tế<br>Hong Bang         |                            | Đạt                     | Thi<br>AV                 |
| 21          | Đặng Thị<br>Hoàng  | Yến   | 28/01/2000                  | Nữ           | Khoa Hôi<br>sức sơ sinh | Điều<br>dưỡng<br>hạng III | Đại học                      | Điều<br>dưỡng              | PNTU.C<br>N/000199 | 12/10/2022 | Trường Đại<br>học Y khoa<br>Phạm Ngọc<br>Thạch |                            | Đạt                     | Thi<br>AV                 |

| S<br>T<br>T | Họ và tên lót        | Tên   | Ngày,<br>tháng, năm<br>sinh | Giới<br>tính | Khoa/Phò<br>ng                        | Vị trí<br>ứng<br>tuyên    | Trình độ chuyên môn cao nhất |                            |                    |            |                                        | Đôi<br>trượng<br>ưu<br>tiên | Kết<br>quả<br>vòng<br>1 | Sát<br>hạch<br>Anh<br>văn |
|-------------|----------------------|-------|-----------------------------|--------------|---------------------------------------|---------------------------|------------------------------|----------------------------|--------------------|------------|----------------------------------------|-----------------------------|-------------------------|---------------------------|
|             |                      |       |                             |              |                                       |                           | Trình<br>độ                  | Chuyên<br>ngành<br>đào tạo | Số bằng<br>cấp     | Ngày cấp   | Nơi cấp                                |                             |                         |                           |
| 1           | 2                    | 3     | 4                           | 5            | 6                                     | 7                         | 8                            | 9                          | 10                 | 11         | 12                                     | 13                          | 14                      | 15                        |
| 22          | Đỗ Thị Mỹ            | Dung  | 25/11/2001                  | Nữ           | Khoa Hồi<br>sức tích cực<br>Chống độc | Điều<br>dưỡng<br>hạng III | Đại học                      | Điều<br>dưỡng              | BA<br>01143        | 10/07/2023 | Trường Đại<br>học quốc tế<br>Hong Bang |                             | Đạt                     | Thi<br>AV                 |
| 23          | Đoàn Thị Mỹ          | Hào   | 13/03/1996                  | Nữ           | Khoa Hồi<br>sức tích cực<br>Chống độc | Điều<br>dưỡng<br>hạng III | Đại học                      | Điều<br>dưỡng              | 1607310            | 29/08/2018 | Trường Đại<br>học quốc tế<br>Hong Bang |                             | Đạt                     | Thi<br>AV                 |
| 24          | Huỳnh Gia            | Hân   | 29/01/2000                  | Nữ           | Khoa Hồi<br>sức tích cực<br>Chống độc | Điều<br>dưỡng<br>hạng III | Đại học                      | Điều<br>dưỡng              | BA<br>00016        | 09/09/2022 | Trường Đại<br>học quốc tế<br>Hong Bang |                             | Đạt                     | Thi<br>AV                 |
| 25          | Nguyễn<br>Hoàng Diên | An    | 25/02/1997                  | Nam          | Khoa Kiểm<br>soát nhiễm<br>khuẩn      | Điều<br>dưỡng<br>hạng III | Đại học                      | Điều<br>dưỡng              | 1746461            | 26/08/2019 | Trường Đại<br>học quốc tế<br>Hong Bang |                             | Đạt                     | Thi<br>AV                 |
| 26          | Lê Lý Minh           | Thành | 05/08/1999                  | Nam          | Khoa<br>Ngoại tổng<br>hợp             | Điều<br>dưỡng<br>hạng III | Đại học                      | Điều<br>dưỡng              | NTTCN.1<br>0102921 | 22/12/2022 | Trường Đại<br>học Nguyễn<br>Tất Thành  |                             | Đạt                     | Thi<br>AV                 |
| 27          | Nguyễn Hồng          | Thảo  | 08/07/1988                  | Nữ           | Khoa<br>Ngoại tổng<br>hợp             | Điều<br>dưỡng<br>hạng III | Đại học                      | Điều<br>dưỡng              | TVU.1.04<br>0075   | 12/01/2024 | Trường Đại<br>học Trà Vinh             |                             | Đạt                     | Thi<br>AV                 |
| 28          | Nguyễn Lê<br>Phương  | Uyên  | 08/11/2000                  | Nữ           | Khoa<br>Ngoại Tổng<br>hợp             | Điều<br>dưỡng<br>hạng III | Đại học                      | Điều<br>dưỡng              | NTTCN.1<br>0104145 | 25/04/2023 | Trường Đại<br>học Nguyễn<br>Tất Thành  |                             | Đạt                     | Thi<br>AV                 |

| S<br>T<br>T | Họ và tên lót         | Tên    | Ngày,<br>tháng, năm<br>sinh | Giới<br>tính | Khoa/Phò<br>ng                          | Vị trí<br>ứng<br>tuyển    | Trình độ chuyên môn cao nhất |                            |                    |            |                                        | Đôi<br>tượng<br>ưu<br>tiên | Kết<br>quả<br>vòng<br>1 | Sát<br>hạch<br>Anh<br>văn |
|-------------|-----------------------|--------|-----------------------------|--------------|-----------------------------------------|---------------------------|------------------------------|----------------------------|--------------------|------------|----------------------------------------|----------------------------|-------------------------|---------------------------|
|             |                       |        |                             |              |                                         |                           | Trình<br>độ                  | Chuyên<br>ngành<br>đào tạo | Số bằng<br>cấp     | Ngày cấp   | Nơi cấp                                |                            |                         |                           |
| 1           | 2                     | 3      | 4                           | 5            | 6                                       | 7                         | 8                            | 9                          | 10                 | 11         | 12                                     | 13                         | 14                      | 15                        |
| 29          | Bùi Thị Ngọc          | Hân    | 17/09/2000                  | Nữ           | Khoa<br>Ngoại thận-<br>Tiết niệu        | Điều<br>dưỡng<br>hạng III | Đại học                      | Điều<br>dưỡng              | BA<br>00015        | 09/09/2022 | Trường Đại<br>học quốc tế<br>Hong Bang |                            | Đạt                     | Thi<br>AV                 |
| 30          | Nguyễn Thị<br>Kiều    | Trang  | 20/07/2001                  | Nữ           | Khoa<br>Nhiễm-<br>thần kinh             | Điều<br>dưỡng<br>hạng III | Đại học                      | Điều<br>dưỡng              | NTTCN.1<br>0105231 | 07/12/2023 | Trường Đại<br>học Nguyễn<br>Tất Thành  |                            | Đạt                     | Thi<br>AV                 |
| 31          | Nguyễn<br>Hoàng Hương | Uyên   | 08/11/2001                  | Nữ           | Khoa<br>Nhiễm-<br>thần kinh             | Điều<br>dưỡng<br>hạng III | Đại học                      | Điều<br>dưỡng              | NTTCN.1<br>0105232 | 07/12/2023 | Trường Đại<br>học Nguyễn<br>Tất Thành  |                            | Đạt                     | Thi<br>AV                 |
| 32          | Trương Thị<br>Kim     | Phượng | 03/09/1997                  | Nữ           | Khoa Sơ<br>sinh                         | Điều<br>dưỡng<br>hạng III | Đại học                      | Điều<br>dưỡng              | 1746452            | 26/08/2019 | Trường Đại<br>học quốc tế<br>Hong Bang |                            | Đạt                     | Thi<br>AV                 |
| 33          | Nguyễn<br>Thành       | Trí    | 15/07/1997                  | Nam          | Khoa Sơ<br>sinh                         | Điều<br>dưỡng<br>hạng III | Đại học                      | Điều<br>dưỡng              | 1746455            | 26/08/2019 | Trường Đại<br>học quốc tế<br>Hong Bang |                            | Đạt                     | Thi<br>AV                 |
| 34          | Bùi Thị Cẩm           | Nhung  | 04/07/1987                  | Nữ           | Khoa Sơ<br>sinh 2-<br>Chuyên<br>hóa, di | Điều<br>dưỡng<br>hạng III | Đại học                      | Điều<br>dưỡng              | 1576720            | 28/09/2017 | Đại học Y<br>được TP.Hồ<br>Chí Minh    |                            | Đạt                     | Thi<br>AV                 |
| 35          | Phùng Đặng<br>Minh    | Thư    | 18/05/2000                  | Nữ           | Khoa Sơ<br>sinh 2-<br>Chuyên<br>hóa, di | Điều<br>dưỡng<br>hạng III | Đại học                      | Điều<br>dưỡng              | NTTCN.1<br>0105855 | 08/03/2024 | Trường Đại<br>học Nguyễn<br>Tất Thành  |                            | Đạt                     | Thi<br>AV                 |

| S<br>T<br>T | Họ và tên lót    | Tên   | Ngày,<br>tháng, năm<br>sinh | Giới<br>tính | Khoa/Phò<br>ng                          | Vị trí<br>ứng<br>tuyển    | Trình độ chuyên môn cao nhất |                            |                    |            |                                        | Đôi<br>tượng<br>ưu<br>tiên | Kết<br>quả<br>vòng<br>1 | Sát<br>hạch<br>Anh<br>văn |
|-------------|------------------|-------|-----------------------------|--------------|-----------------------------------------|---------------------------|------------------------------|----------------------------|--------------------|------------|----------------------------------------|----------------------------|-------------------------|---------------------------|
|             |                  |       |                             |              |                                         |                           | Trình<br>độ                  | Chuyên<br>ngành<br>đào tạo | Số bằng<br>cấp     | Ngày cấp   | Nơi cấp                                |                            |                         |                           |
| 1           | 2                | 3     | 4                           | 5            | 6                                       | 7                         | 8                            | 9                          | 10                 | 11         | 12                                     | 13                         | 14                      | 15                        |
| 36          | Phạm Ngọc        | Trang | 15/08/1999                  | Nữ           | Khoa Sơ<br>sinh 2-<br>Chuyên<br>hóa, di | Điều<br>dưỡng<br>hạng III | Đại học                      | Điều<br>dưỡng              | NTTCN.1<br>0102103 | 19/08/2022 | Trường Đại<br>học Nguyễn<br>Tất Thành  |                            | Đạt                     | Thi<br>AV                 |
| 37          | Vũ Thị           | Hiếu  | 17/06/2000                  | Nữ           | Khoa Tiêu<br>hóa                        | Điều<br>dưỡng<br>hạng III | Đại học                      | Điều<br>dưỡng              | BA<br>00018        | 09/09/2022 | Trường Đại<br>học quốc tế<br>Hong Bang |                            | Đạt                     | Thi<br>AV                 |
| 38          | Lê Thị Thùy      | Hương | 09/09/2001                  | Nữ           | Khoa Tiêu<br>hóa                        | Điều<br>dưỡng<br>hạng III | Đại học                      | Điều<br>dưỡng              | NTTCN.1<br>0105220 | 07/12/2023 | Trường Đại<br>học Nguyễn<br>Tất Thành  |                            | Đạt                     | Thi<br>AV                 |
| 39          | Trần Thái        | Học   | 20/07/1995                  | Nam          | Khoa Thận-<br>Nội tiết                  | Điều<br>dưỡng<br>hạng III | Đại học                      | Điều<br>dưỡng              | BA01147            | 10/07/2023 | Trường Đại<br>học quốc tế<br>Hong Bang |                            | Đạt                     | Thi<br>AV                 |
| 40          | Lê Ngọc Minh     | Châu  | 29/08/2000                  | Nữ           | Khoa Thận-<br>Nội tiết                  | Điều<br>dưỡng<br>hạng III | Đại học                      | Điều<br>dưỡng              | BA00005            | 09/09/2022 | Trường Đại<br>học quốc tế<br>Hong Bang |                            | Đạt                     | Thi<br>AV                 |
| 41          | Nguyễn Quốc      | Khải  | 31/07/1999                  | Nam          | Khoa Thận-<br>Nội tiết                  | Điều<br>dưỡng<br>hạng III | Đại học                      | Điều<br>dưỡng              | NTTCN.1<br>0102064 | 19/08/2022 | Trường Đại<br>học Nguyễn<br>Tất Thành  |                            | Đạt                     | Thi<br>AV                 |
| 42          | Mông Thị<br>Kiều | Chinh | 06/07/2001                  | Nữ           | Phòng Điều<br>dưỡng                     | Điều<br>dưỡng<br>hạng III | Đại học                      | Điều<br>dưỡng              | YDS.CN.<br>001528  | 31/08/2023 | Đại học Y<br>dược TP.Hồ<br>Chí Minh    |                            | Đạt                     | Thi<br>AV                 |

| S<br>T<br>T | Họ và tên lót        | Tên    | Ngày,<br>tháng, năm<br>sinh | Giới<br>tính | Khoa/Phò<br>ng      | Vị trí<br>ứng<br>tuyển    | Trình độ chuyên môn cao nhất |                            |                    |            |                                        | Đối<br>tượng<br>ưu<br>tiên | Kết<br>quả<br>vòng<br>1 | Sát<br>hạch<br>Anh<br>văn |
|-------------|----------------------|--------|-----------------------------|--------------|---------------------|---------------------------|------------------------------|----------------------------|--------------------|------------|----------------------------------------|----------------------------|-------------------------|---------------------------|
|             |                      |        |                             |              |                     |                           | Trình<br>độ                  | Chuyên<br>ngành<br>đào tạo | Số bằng<br>cấp     | Ngày cấp   | Nơi cấp                                |                            |                         |                           |
| 1           | 2                    | 3      | 4                           | 5            | 6                   | 7                         | 8                            | 9                          | 10                 | 11         | 12                                     | 13                         | 14                      | 15                        |
| 43          | Võ Thị Kim           | Hương  | 16/04/2001                  | Nữ           | Phòng Điều<br>dưỡng | Điều<br>dưỡng<br>hạng III | Đại học                      | Điều<br>dưỡng              | NTTCN.1<br>0105272 | 07/12/2023 | Trường Đại<br>học Nguyễn<br>Tất Thành  |                            | Đạt                     | Thi<br>AV                 |
| 44          | Nguyễn Duy           | Khánh  | 27/08/2001                  | Nam          | Phòng Điều<br>dưỡng | Điều<br>dưỡng<br>hạng III | Đại học                      | Điều<br>dưỡng              | BA<br>01150        | 10/07/2023 | Trường Đại<br>học quốc tế<br>Hong Bang |                            | Đạt                     | Thi<br>AV                 |
| 45          | Lê Thị Hoàng         | Linh   | 08/04/2001                  | Nữ           | Phòng Điều<br>dưỡng | Điều<br>dưỡng<br>hạng III | Đại học                      | Điều<br>dưỡng              | NTTCN.1<br>0105314 | 07/12/2023 | Trường Đại<br>học Nguyễn<br>Tất Thành  |                            | Đạt                     | Thi<br>AV                 |
| 46          | Nguyễn Ngọc<br>Trà   | My     | 30/03/2001                  | Nữ           | Phòng Điều<br>dưỡng | Điều<br>dưỡng<br>hạng III | Đại học                      | Điều<br>dưỡng              | NTTCN.1<br>0105276 | 07/12/2023 | Trường Đại<br>học Nguyễn<br>Tất Thành  |                            | Đạt                     | Thi<br>AV                 |
| 47          | Phan Thị<br>Quỳnh    | Như    | 11/05/2001                  | Nữ           | Phòng Điều<br>dưỡng | Điều<br>dưỡng<br>hạng III | Đại học                      | Điều<br>dưỡng              | NTTCN.1<br>0105228 | 07/12/2023 | Trường Đại<br>học Nguyễn<br>Tất Thành  |                            | Đạt                     | Thi<br>AV                 |
| 48          | Nguyễn Hà            | Phương | 09/10/2001                  | Nữ           | Phòng Điều<br>dưỡng | Điều<br>dưỡng<br>hạng III | Đại học                      | Điều<br>dưỡng              | BA01168            | 10/07/2023 | Trường Đại<br>học quốc tế<br>Hong Bang |                            | Đạt                     | Thi<br>AV                 |
| 49          | Nguyễn Thị<br>Phương | Tuyền  | 31/03/2001                  | Nữ           | Phòng Điều<br>dưỡng | Điều<br>dưỡng<br>hạng III | Đại học                      | Điều<br>dưỡng              | NTTCN.1<br>0105293 | 07/12/2023 | Trường đại<br>học Nguyễn<br>Tất Thành  |                            | Đạt                     | Thi<br>AV                 |

| S<br>T<br>T | Họ và tên lót                        | Tên   | Ngày,<br>tháng, năm<br>sinh | Giới<br>tính | Khoa/Phò<br>ng       | Vị trí<br>ứng<br>tuyển    | Trình độ chuyên môn cao nhất |                            |                    |            |                                       | Đôi<br>tượng<br>ưu<br>tiên | Kết<br>quả<br>vòng<br>1 | Sát<br>hạch<br>Anh<br>văn |
|-------------|--------------------------------------|-------|-----------------------------|--------------|----------------------|---------------------------|------------------------------|----------------------------|--------------------|------------|---------------------------------------|----------------------------|-------------------------|---------------------------|
|             |                                      |       |                             |              |                      |                           | Trình<br>độ                  | Chuyên<br>ngành<br>đào tạo | Số bằng<br>cấp     | Ngày cấp   | Nơi cấp                               |                            |                         |                           |
| 1           | 2                                    | 3     | 4                           | 5            | 6                    | 7                         | 8                            | 9                          | 10                 | 11         | 12                                    | 13                         | 14                      | 15                        |
| 50          | Huỳnh Công                           | Vinh  | 15/04/1999                  | Nam          | Phòng Điều<br>dưỡng  | Điều<br>dưỡng<br>hạng III | Đại học                      | Điều<br>dưỡng              | NTTCN.1<br>0202885 | 07/12/2023 | Trường đại<br>học Nguyễn<br>Tất Thành |                            | Đạt                     | Thi<br>AV                 |
| <b>VII</b>  | <b>ĐIỀU DƯỠNG HẠNG IV : 23 người</b> |       |                             |              |                      |                           |                              |                            |                    |            |                                       |                            |                         |                           |
| 1           | Nguyễn Thị<br>Ngọc                   | Trâm  | 02/06/2000                  | Nữ           | Khoa cấp<br>cứu      | Điều<br>dưỡng<br>hạng IV  | Cao<br>đẳng                  | Điều<br>dưỡng              | E22.1884<br>/YDP   | 30/05/2022 | Trường Cao<br>đẳng y dược<br>Pasteur  |                            | Đạt                     | Không<br>Thi<br>AV        |
| 2           | Nguyễn Thị<br>Yến                    | Nhi   | 15/05/1999                  | Nữ           | Khoa Hô<br>hấp       | Điều<br>dưỡng<br>hạng IV  | Cao<br>đẳng                  | Điều<br>dưỡng              | YDA002<br>55       | 15/04/2022 | Trường cao<br>đẳng y dược<br>sài gòn  |                            | Đạt                     | Không<br>Thi<br>AV        |
| 3           | Bùi Tuấn                             | Đạt   | 24/05/2001                  | Nam          | Khoa Hô<br>sức ngoại | Điều<br>dưỡng<br>hạng IV  | Cao<br>đẳng                  | Điều<br>dưỡng              | Y22.0430<br>/YDP   | 15/11/2022 | Trường Cao<br>đẳng Y dược<br>Pasteus  |                            | Đạt                     | Không<br>Thi<br>AV        |
| 4           | Phùng Thái                           | Uyên  | 23/03/1999                  | Nữ           | Khoa Hô<br>sức ngoại | Điều<br>dưỡng<br>hạng IV  | Cao<br>đẳng                  | Điều<br>dưỡng              | C0783              | 28/04/2022 | Trường Cao<br>đẳng Y dược<br>Đông     |                            | Đạt                     | Không<br>Thi<br>AV        |
| 5           | Lê Thị Thu                           | Thảo  | 10/12/1998                  | Nữ           | Khoa Hô<br>sức nhiễm | Điều<br>dưỡng<br>hạng IV  | Cao<br>đẳng                  | Điều<br>dưỡng              | YDP0032<br>66      | 13/11/2020 | Trường Cao<br>đẳng y dược<br>Pasteur  |                            | Đạt                     | Không<br>Thi<br>AV        |
| 6           | Trần Thị Thu                         | Trang | 04/01/2025                  | Nữ           | Khoa Hô<br>Sức Nhiễm | Điều<br>dưỡng<br>hạng IV  | Cao<br>đẳng                  | Điều<br>dưỡng              | NTT.CD.<br>385     | 19/08/2022 | Trường Đại<br>học Nguyễn<br>Tất Thành |                            | Đạt                     | Không<br>Thi<br>AV        |

| S<br>T<br>T | Họ và tên lót     | Tên    | Ngày,<br>tháng, năm<br>sinh | Giới<br>tính | Khoa/Phò<br>ng                    | Vị trí<br>ứng<br>tuyển   | Trình độ chuyên môn cao nhất |                            |                 |            |                                                 | Đối<br>tượng<br>ưu<br>tiên | Kết<br>quả<br>vòng<br>1 | Sát<br>hạch<br>Anh<br>văn |
|-------------|-------------------|--------|-----------------------------|--------------|-----------------------------------|--------------------------|------------------------------|----------------------------|-----------------|------------|-------------------------------------------------|----------------------------|-------------------------|---------------------------|
|             |                   |        |                             |              |                                   |                          | Trình<br>độ                  | Chuyên<br>ngành<br>đào tạo | Số bằng<br>cấp  | Ngày cấp   | Nơi cấp                                         |                            |                         |                           |
| 1           | 2                 | 3      | 4                           | 5            | 6                                 | 7                        | 8                            | 9                          | 10              | 11         | 12                                              | 13                         | 14                      | 15                        |
| 7           | Lê Thị Minh       | Phượng | 24/03/1981                  | Nữ           | Khoa Kiểm<br>soát nhiễm<br>khuẩn  | Điều<br>dưỡng<br>hạng IV | Cao<br>đẳng                  | Điều<br>dưỡng              | ĐDLTN2<br>10104 | 19/11/2021 | Trường Cao<br>đẳng Lê Quý<br>Đôn                |                            | Đạt                     | Không<br>Thi<br>AV        |
| 8           | Trần Thị Kim      | Tuyền  | 31/12/1994                  | Nữ           | Khoa Nội<br>tổng quát 1           | Điều<br>dưỡng<br>hạng IV | Cao<br>đẳng                  | Điều<br>dưỡng              | B978808         | 24/10/2018 | Trường Cao<br>đẳng Quảng<br>Ngãi                |                            | Đạt                     | Không<br>Thi<br>AV        |
| 9           | Lê Thị Thanh      | Thảo   | 25/05/2002                  | Nữ           | Khoa Nội<br>tổng quát 1           | Điều<br>dưỡng<br>hạng IV | Cao<br>đẳng                  | Điều<br>dưỡng              | PNTA039<br>5    | 20/09/2023 | Trường Cao<br>đẳng y khoa<br>Phạm Ngọc<br>Thạch |                            | Đạt                     | Không<br>Thi<br>AV        |
| 10          | Ngô Thị Tài       | Lộc    | 30/08/2002                  | Nữ           | Khoa Nội<br>tổng quát 2<br>Hô hấp | Điều<br>dưỡng<br>hạng IV | Cao<br>đẳng                  | Điều<br>dưỡng              | PNTA039<br>0    | 20/09/2023 | Trường Cao<br>đẳng y khoa<br>Phạm Ngọc<br>Thạch |                            | Đạt                     | Không<br>Thi<br>AV        |
| 11          | Vũ Ngọc           | Vân    | 15/07/1992                  | Nữ           | Khoa<br>Ngoại tổng<br>hợp         | Điều<br>dưỡng<br>hạng IV | Cao<br>đẳng                  | Điều<br>dưỡng              | C0612           | 12/01/2022 | Trường Cao<br>đẳng Viễn<br>Đông                 |                            | Đạt                     | Không<br>Thi<br>AV        |
| 12          | Huỳnh Thị<br>Ngọc | Trâm   | 03/02/1994                  | Nữ           | Khoa<br>Ngoại tổng<br>hợp         | Điều<br>dưỡng<br>hạng IV | Cao<br>đẳng                  | Điều<br>dưỡng              | B927576         | 06/11/2018 | Trường Cao<br>đẳng Phương<br>Đông Đà<br>Nẵng    |                            | Đạt                     | Không<br>Thi<br>AV        |
| 13          | Huỳnh Thị<br>Ngọc | Lợi    | 01/03/2001                  | Nữ           | Khoa<br>Ngoại thận-<br>Tiết niệu  | Điều<br>dưỡng<br>hạng IV | Cao<br>đẳng                  | Điều<br>dưỡng              | CD00093<br>4    | 22/08/2023 | Trường Cao<br>đẳng bách<br>khoa Nam Sài<br>Gòn  |                            | Đạt                     | Không<br>Thi<br>AV        |

| S<br>T<br>T | Họ và tên lót   | Tên   | Ngày,<br>tháng, năm<br>sinh | Giới<br>tính | Khoa/Phò<br>ng                | Vị trí<br>ứng<br>tuyển | Trình độ chuyên môn cao nhất |                            |                |            |                                        | Đôi<br>tượng<br>ưu<br>tiên | Kết<br>quả<br>vòng<br>1 | Sát<br>hạch<br>Anh<br>văn |
|-------------|-----------------|-------|-----------------------------|--------------|-------------------------------|------------------------|------------------------------|----------------------------|----------------|------------|----------------------------------------|----------------------------|-------------------------|---------------------------|
|             |                 |       |                             |              |                               |                        | Trình<br>độ                  | Chuyên<br>ngành<br>đào tạo | Số bằng<br>cấp | Ngày cấp   | Nơi cấp                                |                            |                         |                           |
| 1           | 2               | 3     | 4                           | 5            | 6                             | 7                      | 8                            | 9                          | 10             | 11         | 12                                     | 13                         | 14                      | 15                        |
| 14          | Nguyễn Lê Thanh | Thanh | 15/06/2001                  | Nữ           | Khoa Ngoại thận-Tiết niệu     | Điều dưỡng hạng IV     | Cao đẳng                     | Điều dưỡng                 | YDA00972       | 05/11/2022 | Trường Cao đẳng Y dược Sài Gòn         |                            | Đạt                     | Không Thi AV              |
| 15          | Nguyễn Thị Cẩm  | Duyên | 27/01/2002                  | Nữ           | Khoa Nhiễm-thần kinh          | Điều dưỡng hạng IV     | Cao đẳng                     | Điều dưỡng                 | PNTA0408       | 20/09/2023 | Trường Cao đẳng y khoa Phạm Ngọc Thạch |                            | Đạt                     | Không Thi AV              |
| 16          | Bùi Thùy        | Trang | 01/11/2000                  | Nữ           | Khoa sơ sinh                  | Điều dưỡng hạng IV     | Cao đẳng                     | Điều dưỡng                 | D.4903.00254   | 01/12/2022 | Trường Cao đẳng dược Sài Gòn           | Dân tộc Thiểu số           | Đạt                     | Không Thi AV              |
| 17          | Nguyễn Ngọc     | Như   | 29/10/1987                  | Nữ           | Khoa Sơ sinh 2-Chuyên hóa, di | Điều dưỡng hạng IV     | Cao đẳng                     | Điều dưỡng                 | B857248        | 27/12/2017 | Trường Cao đẳng Bách Việt              |                            | Đạt                     | Không Thi AV              |
| 18          | Huỳnh Thị Hồng  | Thu   | 18/11/1991                  | Nữ           | Khoa Tai Mũi Họng             | Điều dưỡng hạng IV     | Cao đẳng                     | Điều dưỡng                 | B1078419       | 25/07/2019 | Trường Cao đẳng Đại Việt Sài Gòn       |                            | Đạt                     | Không Thi AV              |
| 19          | Nguyễn Thanh    | Vân   | 27/10/2000                  | Nữ           | Khoa Thận-Nội tiết            | Điều dưỡng hạng IV     | Cao đẳng                     | Điều dưỡng                 | E22.0942/YDP   | 22/04/2022 | Trường Cao đẳng y dược Pasteur         |                            | Đạt                     | Không Thi AV              |
| 20          | Phan Thị Diệu   | Hiền  | 09/01/2001                  | Nữ           | Phòng Điều dưỡng              | Điều dưỡng hạng IV     | Cao đẳng                     | Điều dưỡng                 | YDA00082       | 09/01/2001 | Trường cao đẳng y dược sài gòn         |                            | Đạt                     | Không Thi AV              |

| S<br>T<br>T                        | Họ và tên lót     | Tên   | Ngày,<br>tháng, năm<br>sinh | Giới<br>tính | Khoa/Phò<br>ng                   | Vị trí<br>ứng<br>tuyển                   | Trình độ chuyên môn cao nhất |                                       |                  |            |                                                 | Đối<br>tượng<br>ưu<br>tiên | Kết<br>quả<br>vòng<br>1 | Sát<br>hạch<br>Anh<br>văn |
|------------------------------------|-------------------|-------|-----------------------------|--------------|----------------------------------|------------------------------------------|------------------------------|---------------------------------------|------------------|------------|-------------------------------------------------|----------------------------|-------------------------|---------------------------|
|                                    |                   |       |                             |              |                                  |                                          | Trình<br>độ                  | Chuyên<br>ngành<br>đào tạo            | Số bằng<br>cấp   | Ngày cấp   | Nơi cấp                                         |                            |                         |                           |
| 1                                  | 2                 | 3     | 4                           | 5            | 6                                | 7                                        | 8                            | 9                                     | 10               | 11         | 12                                              | 13                         | 14                      | 15                        |
| 21                                 | Lô Thị Kiều       | Linh  | 02/02/2002                  | Nữ           | Phòng Điều<br>dưỡng              | Điều<br>dưỡng<br>hạng IV                 | Cao<br>đẳng                  | Điều<br>dưỡng                         | PNTA038<br>8     | 20/09/2023 | Trường Cao<br>đẳng y khoa<br>Phạm Ngọc<br>Thạch | Dân<br>tộc<br>Thiểu<br>số  | Đạt                     | Không<br>Thi<br>AV        |
| 22                                 | Phan Thị<br>Hoàng | Vi    | 01/05/2003                  | Nữ           | Phòng Điều<br>dưỡng              | Điều<br>dưỡng<br>hạng IV                 | Cao<br>đẳng                  | Điều<br>dưỡng                         | PNTA006<br>9     | 26/07/2024 | Trường Cao<br>đẳng y khoa<br>Phạm Ngọc<br>Thạch |                            | Đạt                     | Không<br>Thi<br>AV        |
| 23                                 | Lữ Hồng           | Yến   | 23/07/2000                  | Nữ           | Phòng Điều<br>dưỡng              | Điều<br>dưỡng<br>hạng IV                 | Cao<br>đẳng                  | Điều<br>dưỡng                         | E22.0959<br>/YDP | 22/04/2022 | Trường Cao<br>đẳng y dược<br>Pasteur            |                            | Đạt                     | Không<br>Thi<br>AV        |
| <b>VIII CHUYÊN VIÊN : 35 người</b> |                   |       |                             |              |                                  |                                          |                              |                                       |                  |            |                                                 |                            |                         |                           |
| 1                                  | Thiều Lê          | Khang | 19/09/1997                  | Nam          | Khoa Kiểm<br>soát nhiễm<br>khuẩn | Chuyên<br>viên về<br>quản trị<br>công sở | Đại học                      | Kỹ sư<br>Công<br>nghệ kỹ<br>thuật cơ  | 074772           | 05/10/2022 | Đại học công<br>nghiệp<br>TP.HCM                |                            | Đạt                     | Thi<br>AV                 |
| 2                                  | Vũ Thị Tâm        | Quyên | 29/01/1988                  | Nữ           | Khoa<br>Khám Bệnh                | Chuyên<br>viên về<br>hành<br>chính       | Đại học                      | Kế toán                               | MHN702<br>3277   | 11/07/2023 | Trường Đại<br>học Mở Hà<br>Nội                  |                            | Đạt                     | Thi<br>AV                 |
| 3                                  | Huỳnh Thị<br>Thủy | Tiên  | 11/03/1983                  | Nữ           | Khoa<br>Khám Bệnh                | Chuyên<br>viên về<br>hành<br>chính       | Đại học                      | Kế toán                               | 960668           | 17/11/2015 | Đại học Trà<br>Vinh                             |                            | Đạt                     | Thi<br>AV                 |
| 4                                  | Lê Thùy           | Trang | 25/08/1989                  | Nữ           | Khoa<br>Khám Bệnh                | Chuyên<br>viên về<br>hành<br>chính       | Đại học                      | Quản trị<br>kinh<br>doanh-<br>du lịch | 445395           | 05/04/2013 | Đại học quốc<br>tế Hồng Bàng<br>TP.HCM          |                            | Đạt                     | Thi<br>AV                 |

| S<br>T<br>T | Họ và tên lót         | Tên   | Ngày,<br>tháng, năm<br>sinh | Giới<br>tính | Khoa/Phò<br>ng                  | Vị trí<br>ứng<br>tuyển                   | Trình độ chuyên môn cao nhất |                                       |                   |            |                                                    | Đôi<br>tượng<br>ưu<br>tiên | Kết<br>quả<br>vòng<br>1 | Sát<br>hạch<br>Anh<br>văn |
|-------------|-----------------------|-------|-----------------------------|--------------|---------------------------------|------------------------------------------|------------------------------|---------------------------------------|-------------------|------------|----------------------------------------------------|----------------------------|-------------------------|---------------------------|
|             |                       |       |                             |              |                                 |                                          | Trình<br>độ                  | Chuyên<br>ngành<br>đào tạo            | Số bằng<br>cấp    | Ngày cấp   | Nơi cấp                                            |                            |                         |                           |
| 1           | 2                     | 3     | 4                           | 5            | 6                               | 7                                        | 8                            | 9                                     | 10                | 11         | 12                                                 | 13                         | 14                      | 15                        |
| 5           | Nguyễn Thục           | Ân    | 23/01/1998                  | Nữ           | Khoa Tâm<br>lý                  | Chuyên<br>viên                           | Đại học                      | Tâm lý<br>học                         | 001171            | 13/08/2020 | Đại học Sài<br>Gòn                                 |                            | Đạt                     | Thi<br>AV                 |
| 6           | Huỳnh Long<br>Minh    | Triết | 15/08/1984                  | Nam          | Khoa Tâm<br>lý                  | Chuyên<br>viên                           | Đại học                      | Tâm lý<br>học                         | QH25201<br>901796 | 22/04/2024 | Đại học Khoa<br>học xã hội và<br>nhân văn          |                            | Đạt                     | Thi<br>AV                 |
| 7           | Đặng Nguyễn<br>Phuong | Uyên  | 12/12/2001                  | Nữ           | Phòng Chi<br>đạo tuyển          | Chuyên<br>viên về<br>tổng hợp            | Đại học                      | Quản trị<br>bệnh<br>viện              | 0050586           | 15/12/2022 | Trường Đại<br>học Kinh tế<br>TP.HCM                |                            | Đạt                     | Thi<br>AV                 |
| 8           | Phạm Thị<br>Ngọc      | Bích  | 20/08/1982                  | Nữ           | Phòng<br>Hành chính<br>quản trị | Chuyên<br>viên về<br>quản trị<br>công sở | Đại học                      | Kế toán                               | 00386563          | 16/11/2011 | Đại học Kinh<br>tế TP.Hồ Chí<br>Minh               |                            | Đạt                     | Thi<br>AV                 |
| 9           | Nguyễn Quốc           | Huy   | 09/02/1996                  | Nam          | Phòng<br>Hành chính<br>quản trị | Chuyên<br>viên về<br>quản trị<br>công sở | Đại học                      | Kỹ sư<br>kỹ thuật<br>điện,<br>điện tử | 022002            | 11/02/2020 | Trường Đại<br>học công<br>nghiệp TP.Hồ<br>Chí Minh |                            | Đạt                     | Thi<br>AV                 |
| 10          | Nguyễn Ngọc           | Như   | 07/09/1999                  | Nữ           | Phòng<br>Hành chính<br>quản trị | Chuyên<br>viên về<br>quản trị<br>công sở | Đại học                      | Khoa<br>học môi<br>trường             | QH24202<br>201778 | 24/10/2023 | Trường Đại<br>học Khoa học<br>và tự nhiên          |                            | Đạt                     | Thi<br>AV                 |
| 11          | Trần Thị Thùy         | Trang | 17/05/1999                  | Nữ           | Phòng<br>Hành chính<br>quản trị | Chuyên<br>viên về<br>quản trị<br>công sở | Đại học                      | Kế toán                               | 062666            | 08/04/2022 | Trường Đại<br>học Công<br>nghiệp<br>TP.HCM         |                            | Đạt                     | Thi<br>AV                 |

| S<br>T<br>T | Họ và tên lót    | Tên   | Ngày,<br>tháng, năm<br>sinh | Giới<br>tính | Khoa/Phò<br>ng            | Vị trí<br>ứng<br>tuyển          | Trình độ chuyên môn cao nhất |                            |                 |            |                                           | Đôi<br>tượng<br>ưu<br>tiên | Kết<br>quả<br>vòng<br>1 | Sát<br>hạch<br>Anh<br>văn |
|-------------|------------------|-------|-----------------------------|--------------|---------------------------|---------------------------------|------------------------------|----------------------------|-----------------|------------|-------------------------------------------|----------------------------|-------------------------|---------------------------|
|             |                  |       |                             |              |                           |                                 | Trình<br>độ                  | Chuyên<br>ngành<br>đào tạo | Số bằng<br>cấp  | Ngày cấp   | Nơi cấp                                   |                            |                         |                           |
| 1           | 2                | 3     | 4                           | 5            | 6                         | 7                               | 8                            | 9                          | 10              | 11         | 12                                        | 13                         | 14                      | 15                        |
| 12          | Nguyễn Thị Tường | Vy    | 10/07/1999                  | Nữ           | Phòng Hành chính quản trị | Chuyên viên về quản trị công sở | Đại học                      | Kế toán                    | 065451          | 30/12/2022 | Trường Đại học công nghiệp TP.Hồ Chí Minh |                            | Đạt                     | Thi AV                    |
| 13          | Nguyễn Thị Thu   | Hằng  | 20/07/1995                  | Nữ           | Phòng Tổ chức cán bộ      | Chuyên viên về tổ chức bộ máy   | Đại học                      | Luật                       | 599068          | 03/08/2017 | Đại học Luật TP.HCM                       |                            | Đạt                     | Thi AV                    |
| 14          | Nguyễn Đông      | Lai   | 10/03/2001                  | Nam          | Phòng Tổ chức cán bộ      | Chuyên viên về tổ chức bộ máy   | Đại học                      | Luật                       | HCH.6.00<br>175 | 14/08/2023 | Học viện hành chính quốc gia              |                            | Đạt                     | Thi AV                    |
| 15          | Trương Thu       | Ngân  | 26/07/2002                  | Nữ           | Phòng Tổ chức cán bộ      | Chuyên viên về tổ chức bộ máy   | Đại học                      | Luật                       | 03202425<br>06  | 16/09/2024 | Trường Đại học Sài Gòn                    |                            | Đạt                     | Thi AV                    |
| 16          | Nguyễn Lê Hồng   | Nhung | 06/07/1991                  | Nữ           | Phòng Tổ chức cán bộ      | Chuyên viên về tổ chức bộ máy   | Đại học                      | Luật                       | 036723          | 11/06/2018 | Đại học Sài Gòn                           |                            | Đạt                     | Thi AV                    |
| 17          | Cổ Thụy Loan     | Anh   | 25/10/1993                  | Nữ           | Phòng TCCB-Đơn vị truyền  | Chuyên viên về truyền thông     | Đại học                      | Quản trị kinh doanh        | 1766769         | 05/06/2020 | Học viện hàng không                       |                            | Đạt                     | Thi AV                    |
| 18          | Nguyễn Minh      | Hiền  | 28/10/1998                  | Nữ           | Phòng TCCB-Đơn vị truyền  | Chuyên viên về truyền thông     | Đại học                      | Ngôn ngữ Anh               | 002456          | 30/07/2021 | Trường Đại học Công nghệ TP.Hồ Chí Minh   |                            | Đạt                     | Miễn Thi (Cử nhân         |

| S<br>T<br>T | Họ và tên lót    | Tên    | Ngày,<br>tháng, năm<br>sinh | Giới<br>tính | Khoa/Phò<br>ng                     | Vị trí<br>ứng<br>tuyển               | Trình độ chuyên môn cao nhất |                                       |                 |            |                                               | Đổi<br>tượng<br>ưu<br>tiên | Kết<br>quả<br>vòng<br>1 | Sát<br>hạch<br>Anh<br>văn  |
|-------------|------------------|--------|-----------------------------|--------------|------------------------------------|--------------------------------------|------------------------------|---------------------------------------|-----------------|------------|-----------------------------------------------|----------------------------|-------------------------|----------------------------|
|             |                  |        |                             |              |                                    |                                      | Trình<br>độ                  | Chuyên<br>ngành<br>đào tạo            | Số bằng<br>cấp  | Ngày cấp   | Nơi cấp                                       |                            |                         |                            |
| 1           | 2                | 3      | 4                           | 5            | 6                                  | 7                                    | 8                            | 9                                     | 10              | 11         | 12                                            | 13                         | 14                      | 15                         |
| 19          | Lê Vĩ            | Sang   | 11/10/1997                  | Nam          | Phòng<br>TCCB-<br>Đơn vị<br>truyền | Chuyên<br>viên về<br>truyền<br>thông | Đại học                      | Quản trị<br>kinh<br>doanh             | A800120         | 23/10/2019 | Trường Đại<br>học Trung<br>Vương              | Dân<br>tộc<br>Thiểu<br>số  | Đạt                     | Thi<br>AV                  |
| 20          | Nguyễn Văn       | Thanh  | 20/01/1989                  | Nam          | Phòng<br>TCCB-<br>Đơn vị<br>truyền | Chuyên<br>viên về<br>truyền<br>thông | Đại học                      | Quản trị<br>kinh<br>doanh-<br>du lịch | TDU.100<br>0749 | 23/11/2023 | Trường Đại<br>học Thành<br>Đông               |                            | Đạt                     | Thi<br>AV                  |
| 21          | Hoàng Nhật       | Thắng  | 17/11/1991                  | Nam          | Phòng<br>TCCB-<br>Đơn vị<br>truyền | Chuyên<br>viên về<br>truyền<br>thông | Đại học                      | Quản trị<br>Marketi<br>ng             | 119046          | 27/08/2014 | Trường Đại<br>học Tôn Đức<br>Thắng            |                            | Đạt                     | Miễn<br>Thi<br>(Cử<br>nhân |
| 22          | Phan Thị Kim     | Thuyền | 09/03/1984                  | Nữ           | Phòng<br>TCCB-<br>Đơn vị<br>truyền | Chuyên<br>viên về<br>truyền<br>thông | Thạc sĩ                      | Quản trị<br>kinh<br>doanh             | A175037         | 18/11/2017 | Trường Đại<br>học Văn Hiến                    |                            | Đạt                     | Thi<br>Anh<br>văn          |
| 23          | Phạm Hoài Tố     | Trinh  | 22/09/1995                  | Nữ           | Phòng<br>TCCB-<br>Đơn vị<br>truyền | Chuyên<br>viên về<br>truyền<br>thông | Đại học                      | Quản trị<br>khách<br>sạn              | 1445841         | 06/11/2017 | Trường đại<br>học Văn Hiến                    |                            | Đạt                     | Thi<br>Anh<br>văn          |
| 24          | Trần Thị Thúy    | Yên    | 04/12/2001                  | Nữ           | Phòng<br>TCCB-<br>Đơn vị<br>truyền | Chuyên<br>viên về<br>truyền<br>thông | Đại học                      | Quản trị<br>kinh<br>doanh             | DCT7019<br>480  | 27/03/2023 | Trường Đại<br>học công<br>nghiệp thực<br>phẩm |                            | Đạt                     | Thi<br>Anh<br>văn          |
| 25          | Mai Bá<br>Trường | An     | 18/01/1990                  | Nam          | Phòng Vật<br>tư, thiết bị<br>y tế  | Chuyên<br>viên về<br>tổng hợp        | Thạc sĩ                      | Kế toán                               | 008680          | 11/04/2023 | Trường Đại<br>học Kinh tế<br>TP.HCM           |                            | Đạt                     | Thi<br>Anh<br>văn          |

| S<br>T<br>T | Họ và tên lót      | Tên   | Ngày,<br>tháng, năm<br>sinh | Giới<br>tính | Khoa/Phò<br>ng                    | Vị trí<br>ứng<br>tuyển        | Trình độ chuyên môn cao nhất |                                        |                    |            |                                                  | Đối<br>tượng<br>ưu<br>tiên | Kết<br>quả<br>vòng<br>1 | Sát<br>hạch<br>Anh<br>văn |
|-------------|--------------------|-------|-----------------------------|--------------|-----------------------------------|-------------------------------|------------------------------|----------------------------------------|--------------------|------------|--------------------------------------------------|----------------------------|-------------------------|---------------------------|
|             |                    |       |                             |              |                                   |                               | Trình<br>độ                  | Chuyên<br>ngành<br>đào tạo             | Số bằng<br>cấp     | Ngày cấp   | Nơi cấp                                          |                            |                         |                           |
| 1           | 2                  | 3     | 4                           | 5            | 6                                 | 7                             | 8                            | 9                                      | 10                 | 11         | 12                                               | 13                         | 14                      | 15                        |
| 26          | Phạm Văn           | Dư    | 06/01/1998                  | Nam          | Phòng Vật<br>tư, thiết bị<br>y tế | Chuyên<br>viên về<br>tổng hợp | Đại học                      | Dược<br>học                            | NTTDS.1<br>0100343 | 27/12/2021 | Trường Đại<br>học Nguyễn<br>Tất Thành            |                            | Đạt                     | Thi<br>Anh<br>văn         |
| 27          | Nguyễn Thị<br>Hong | Hạnh  | 19/05/1980                  | Nữ           | Phòng Vật<br>tư, thiết bị<br>y tế | Chuyên<br>viên về<br>tổng hợp | Đại học                      | Dược sĩ                                | 000427             | 19/11/2020 | Đại học Công<br>nghệ Miền<br>Đông                |                            | Đạt                     | Thi<br>Anh<br>văn         |
| 28          | Ngô Thị            | Hằng  | 28/08/1997                  | Nữ           | Phòng Vật<br>tư, thiết bị<br>y tế | Chuyên<br>viên về<br>tổng hợp | Đại học                      | Dược sĩ                                | 000632             | 04/09/2020 | Đại học Y<br>dược<br>TP.HCM                      |                            | Đạt                     | Thi<br>Anh<br>văn         |
| 29          | Phan Thanh         | Huỳnh | 19/05/1996                  | Nữ           | Phòng Vật<br>tư, thiết bị<br>y tế | Chuyên<br>viên về<br>tổng hợp | Đại học                      | Dược<br>học                            | 000569             | 29/07/2022 | Trường Đại<br>học Công<br>nghệ TP.Hồ<br>Chí Minh |                            | Đạt                     | Thi<br>Anh<br>văn         |
| 30          | Trần Thị<br>Thiên  | Hương | 23/08/1999                  | Nữ           | Phòng Vật<br>tư, thiết bị<br>y tế | Chuyên<br>viên về<br>tổng hợp | Đại học                      | Dược<br>học                            | 000891             | 30/09/2022 | Trường Đại<br>học Công<br>nghệ TP.Hồ<br>Chí Minh |                            | Đạt                     | Thi<br>Anh<br>văn         |
| 31          | Hoàng Công         | Khu   | 02/08/1983                  | Nam          | Phòng Vật<br>tư, thiết bị<br>y tế | Chuyên<br>viên về<br>tổng hợp | Đại học                      | Dược sĩ                                | YDS.DS.<br>000363  | 09/09/2021 | Đại học Y<br>dược<br>TP.HCM                      |                            | Đạt                     | Thi<br>Anh<br>văn         |
| 32          | Phạm Minh          | Nhật  | 10/02/1999                  | Nam          | Phòng Vật<br>tư, thiết bị<br>y tế | Chuyên<br>viên về<br>tổng hợp | Đại học                      | Công<br>nghệ kỹ<br>thuật cơ<br>điện tử | CB 00495           | 31/12/2021 | Đại học Công<br>nghệ Sài Gòn                     |                            | Đạt                     | Thi<br>Anh<br>văn         |

| S<br>T<br>T                | Họ và tên lót    | Tên   | Ngày,<br>tháng, năm<br>sinh | Giới<br>tính | Khoa/Phò<br>ng                    | Vị trí<br>ứng<br>tuyển            | Trình độ chuyên môn cao nhất |                                        |                           |            |                                                  | Đôi<br>tượng<br>ưu<br>tiên | Kết<br>quả<br>vòng<br>1 | Sát<br>hạch<br>Anh<br>văn |
|----------------------------|------------------|-------|-----------------------------|--------------|-----------------------------------|-----------------------------------|------------------------------|----------------------------------------|---------------------------|------------|--------------------------------------------------|----------------------------|-------------------------|---------------------------|
|                            |                  |       |                             |              |                                   |                                   | Trình<br>độ                  | Chuyên<br>ngành<br>đào tạo             | Số bằng<br>cấp            | Ngày cấp   | Nơi cấp                                          |                            |                         |                           |
| 1                          | 2                | 3     | 4                           | 5            | 6                                 | 7                                 | 8                            | 9                                      | 10                        | 11         | 12                                               | 13                         | 14                      | 15                        |
| 33                         | Ngô Hoàng        | Son   | 16/02/1999                  | Nam          | Phòng Vật<br>tư, thiết bị<br>y tế | Chuyên<br>viên về<br>tổng hợp     | Đại học                      | Kế toán                                | 002276                    | 30/07/2021 | Trường Đại<br>học Công<br>nghệ TP.Hồ<br>Chí Minh |                            | Đạt                     | Thi<br>Anh<br>văn         |
| 34                         | Lại Minh         | Thanh | 25/09/1999                  | Nữ           | Phòng Vật<br>tư, thiết bị<br>y tế | Chuyên<br>viên về<br>tổng hợp     | Đại học                      | Dược<br>học                            | PH00060                   | 09/09/2022 | Trường Đại<br>học quốc tế<br>Hồng Bàng           |                            | Đạt                     | Thi<br>Anh<br>văn         |
| 35                         | Lê Thị Thanh     | Thảo  | 01/01/1993                  | Nữ           | Phòng Vật<br>tư, thiết bị<br>y tế | Chuyên<br>viên về<br>tổng hợp     | Thạc sĩ<br>Kỹ sư             | Khoa<br>học Y<br>Khoa<br>Kỹ thuật      | 023/BEB<br>E2011/20<br>16 | 22/08/2019 | Trường Đại<br>học<br>SoonChungH<br>yang- Hàn     |                            | Đạt                     | Thi<br>Anh<br>văn         |
| <b>IX. CÁN SỰ: 6 người</b> |                  |       |                             |              |                                   |                                   |                              |                                        |                           |            |                                                  |                            |                         |                           |
| 1                          | Nguyễn<br>Thanh  | Danh  | 08/07/1992                  | Nam          | Khoa<br>Khám bệnh                 | Cán sự<br>về hành<br>chính<br>văn | Cao<br>đẳng                  | Thư ký<br>y khoa                       | C1132                     | 17/12/2022 | Cao đẳng<br>Viễn Đông                            |                            | Đạt                     | Không<br>Thi<br>AV        |
| 2                          | Nhữ Thị Hồng     | Hạnh  | 08/06/1993                  | Nữ           | Khoa<br>Khám bệnh                 | Cán sự<br>về hành<br>chính<br>văn | Cao<br>đẳng                  | Thư ký<br>y khoa                       | C0132                     | 30/11/2020 | Trường Cao<br>đẳng Viễn<br>Đông                  |                            | Đạt                     | Không<br>Thi<br>AV        |
| 3                          | Nguyễn<br>Thành  | Danh  | 26/11/2000                  | Nam          | Phòng<br>Công nghệ<br>thông tin   | Cán sự<br>về hành<br>chính<br>văn | Cao<br>đẳng                  | Quản trị<br>mạng<br>máy<br>tính        | CKC.A.0<br>002682         | 30/12/2021 | Cao đẳng Kỹ<br>thuật Cao<br>Thắng                |                            | Đạt                     | Không<br>Thi<br>AV        |
| 4                          | Nguyễn<br>Phượng | Hoàng | 02/04/1996                  | Nam          | Phòng<br>Hành chính<br>quản trị   | Cán sự<br>về hành<br>chính<br>văn | Cao<br>đẳng                  | Công<br>nghệ kỹ<br>thuật cơ<br>điện tử | B.858605                  | 20/05/2018 | Trường Cao<br>đẳng kỹ thuật<br>Cao Thắng         | Xuất<br>ngũ                | Đạt                     | Không<br>Thi<br>AV        |

| S<br>T<br>T                         | Họ và tên lót      | Tên   | Ngày,<br>tháng, năm<br>sinh | Giới<br>tính | Khoa/Phò<br>ng                    | Vị trí<br>ứng<br>tuyển            | Trình độ chuyên môn cao nhất |                            |                |            |                                        | Đôi<br>tượng<br>ưu<br>tiên | Kết<br>quả<br>vòng<br>1 | Sát<br>hạch<br>Anh<br>văn |
|-------------------------------------|--------------------|-------|-----------------------------|--------------|-----------------------------------|-----------------------------------|------------------------------|----------------------------|----------------|------------|----------------------------------------|----------------------------|-------------------------|---------------------------|
|                                     |                    |       |                             |              |                                   |                                   | Trình<br>độ                  | Chuyên<br>ngành<br>đào tạo | Số bằng<br>cấp | Ngày cấp   | Nơi cấp                                |                            |                         |                           |
| 1                                   | 2                  | 3     | 4                           | 5            | 6                                 | 7                                 | 8                            | 9                          | 10             | 11         | 12                                     | 13                         | 14                      | 15                        |
| 5                                   | Nguyễn Lê<br>Khánh | Hải   | 10/02/1982                  | Nam          | Phòng Vật<br>tư, thiết bị<br>y tế | Cán sự<br>về hành<br>chính<br>văn | Cao<br>đẳng                  | Dược                       | YDP0008<br>02  | 10/05/2019 | Cao đẳng Y<br>dược Pasteur             |                            | Đạt                     | Không<br>Thi<br>AV        |
| 6                                   | Trần Thị Kim       | Oanh  | 23/06/1994                  | Nữ           | Phòng Vật<br>tư, thiết bị<br>y tế | Cán sự<br>về hành<br>chính<br>văn | Cao<br>đẳng                  | Dược                       | DLT2193<br>2   | 06/01/2022 | Cao đẳng Lê<br>Quý Đôn                 |                            | Đạt                     | Không<br>Thi<br>AV        |
| <b>X. CÔNG TÁC XÃ HỘI : 6 người</b> |                    |       |                             |              |                                   |                                   |                              |                            |                |            |                                        |                            |                         |                           |
| 1                                   | Lê Khã             | Ái    | 08/04/2002                  | Nữ           | Phòng<br>Công tác xã<br>hội       | Công tác<br>xã hội<br>viên        | Đại học                      | Công<br>tác xã<br>hội      | 002764         | 20/09/2024 | Học viện cán<br>bộ TP.HCM              |                            | Đạt                     | Thi<br>AV                 |
| 2                                   | Bùi Minh           | Anh   | 18/05/1995                  | Nữ           | Phòng<br>Công tác xã<br>hội       | Công tác<br>xã hội<br>viên        | Đại học                      | Công<br>tác xã<br>hội      | 1753495        | 21/01/2019 | Trường Đại<br>học lao động -<br>xã hội |                            | Đạt                     | Thi<br>AV                 |
| 3                                   | Nguyễn Thị<br>Vân  | Huyền | 21/08/1994                  | Nữ           | Phòng<br>Công tác xã<br>hội       | Công tác<br>xã hội<br>viên        | Đại học                      | Công<br>tác xã<br>hội      | 1387319        | 29/07/2016 | Đại học Lao<br>động- xã hội            |                            | Đạt                     | Thi<br>AV                 |
| 4                                   | Bế Thị Hoài        | Thanh | 05/12/1999                  | Nữ           | Phòng<br>Công tác xã<br>hội       | Công tác<br>xã hội<br>viên        | Đại học                      | Công<br>tác xã<br>hội      | LDXH00<br>4086 | 29/09/2021 | Trường Đại<br>học lao động -<br>xã hội |                            | Đạt                     | Thi<br>AV                 |
| 5                                   | Lê Xuân            | Vũ    | 02/11/2001                  | Nam          | Phòng<br>Công tác xã<br>hội       | Công tác<br>xã hội<br>viên        | Đại học                      | Công<br>tác xã<br>hội      | LDXH01<br>1537 | 12/07/2023 | Trường Đại<br>học lao động -<br>xã hội |                            | Đạt                     | Thi<br>AV                 |

| S<br>T<br>T                               | Họ và tên lót    | Tên   | Ngày, tháng,<br>năm sinh | Giới<br>tính | Khoa/Phòn<br>g           | Vị trí<br>ứng<br>tuyển | Trình độ chuyên môn cao nhất |                            |                |            |                                              | Đôi<br>trọng<br>ưu<br>tiên | Kết<br>quả<br>vòng<br>1 | Sát<br>hạch<br>Anh<br>văn |
|-------------------------------------------|------------------|-------|--------------------------|--------------|--------------------------|------------------------|------------------------------|----------------------------|----------------|------------|----------------------------------------------|----------------------------|-------------------------|---------------------------|
|                                           |                  |       |                          |              |                          |                        | Trình<br>độ                  | Chuyên<br>ngành<br>đào tạo | Số bằng<br>cấp | Ngày cấp   | Nơi cấp                                      |                            |                         |                           |
| 1                                         | 2                | 3     | 4                        | 5            | 6                        | 7                      | 8                            | 9                          | 10             | 11         | 12                                           | 13                         | 14                      | 15                        |
| 6                                         | Trần Thị Thanh   | Vy    | 11/01/2000               | Nữ           | Phòng Công tác xã hội    | Công tác xã hội viên   | Đại học                      | Công tác xã hội            | 014762         | 26/05/2022 | Đại học Sư phạm TP.HCM                       |                            | Đạt                     | Thi AV                    |
| <b>XI. KẾ TOÁN VIÊN HẠNG IV: 06 người</b> |                  |       |                          |              |                          |                        |                              |                            |                |            |                                              |                            |                         |                           |
| 1                                         | Bùi Thị Hà       | Lin   | 08/04/1988               | Nữ           | Phòng Tài chính- Kế toán | Kế toán viên trung cấp | Đại học                      | Kế toán                    | 114857         | 27/10/2012 | Đại học Lạc Hồng                             |                            | Đạt                     | Không Thi AV              |
| 2                                         | Đỗ Thị Mỹ        | Linh  | 03/10/1989               | Nữ           | Phòng Tài chính- Kế toán | Kế toán viên trung cấp | Cao đẳng                     | Kế toán                    | 996459         | 05/08/2019 | Cao đẳng kinh tế đối ngoại                   |                            | Đạt                     | Không Thi AV              |
| 3                                         | Nguyễn Thị Khánh | Linh  | 10/09/2000               | Nữ           | Phòng Tài chính- Kế toán | Kế toán viên trung cấp | Đại học                      | Kế toán                    | DCT7007 574    | 20/04/2022 | Đại học Công nghiệp thực phẩm TP.Hồ Chí Minh |                            | Đạt                     | Không Thi AV              |
| 4                                         | Nguyễn Thị Thùy  | Trang | 29/01/1987               | Nữ           | Phòng Tài chính- Kế toán | Kế toán viên trung cấp | Đại học                      | Kế toán                    | 00167725       | 16/11/2010 | Đại học Tài chính- Marketing                 |                            | Đạt                     | Không Thi AV              |
| 5                                         | Nguyễn Thị Mai   | Uyên  | 26/03/1990               | Nữ           | Phòng Tài chính- Kế toán | Kế toán viên trung cấp | Đại học                      | Kế toán                    | 996459         | 08/04/2015 | Đại học Công nghiệp thực phẩm TP.Hồ Chí Minh |                            | Đạt                     | Không Thi AV              |
| 6                                         | Phạm Võ Tường    | Vy    | 05/12/2002               | Nữ           | Phòng Tài chính- Kế toán | Kế toán viên trung cấp | Đại học                      | Kế toán                    | 000241         | 20/05/2024 | Đại học Hùng Vương TP.Hồ Chí Minh            |                            | Đạt                     | Không Thi AV              |
| <b>TỔNG CỘNG</b>                          |                  |       |                          |              |                          |                        |                              |                            |                |            |                                              | 17                         | 229                     |                           |

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 02 năm 2025

TM. HỘI ĐỒNG XÉT TUYỂN

CHỦ TỊCH



PHÓ GIÁM ĐỐC

Ngô Ngọc Quang Minh